

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0900222647 do Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 20/02/2004,
sửa đổi lần thứ 10 ngày 18/03/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số. 15./GCN-UBCKNN
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 5 năm 2012)

BẢN CÁO BẠCH SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý

- Địa chỉ : Khu CN Phố Nôi A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : 0321.3942427 Fax : 0321.3942226
- Website : www.vis.com.vn

2. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN

- Địa chỉ : Tầng 12-17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội
- Điện thoại : 043 93 60 261 Fax : 043 93 60 262
- Website : www.vcbs.com.vn Email : headquarter@vcbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Họ và tên : Nguyễn Hoàng Ngân Chức vụ : Kế toán trưởng
- Điện thoại : 0321.03942427 Fax : 0321.3942226

HƯNG YÊN, NĂM 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý - VIS

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0900222647 do Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 20/02/2004,
sửa đổi lần thứ 10 ngày 18/03/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chào bán	:	19.220.577 cổ phiếu
Giá bán cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị theo mệnh giá	:	192.205.770.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN



- Địa chỉ : Tầng 12-17, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội
- Điện thoại : 043 93 60 261 Fax : 043 93 60 262
- Website : www.vcbs.com.vn Email : headquarter@vcbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIET NAM



- Trụ sở chính : Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 04 3852 4123; Fax: 04 3852 4143/ 3852 4119

MỤC LỤC

PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ.....	5
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	7
3. RỦI RO CẠNH TRANH.....	7
4. RỦI RO BIẾN ĐỘNG NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO	7
5. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU	8
6. RỦI RO TÁI CẤU TRÚC	8
7. RỦI RO KHÁC	8
PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM.....	10
PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	11
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	11
2. MỘT SỐ THÔNG TIN CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý	11
4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	18
5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:	19
6. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	20
7. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20
8. BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD TRONG NHỮNG NĂM GẦN NHẤT	37
9. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH	39
10. LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG.....	43
11. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	44
12. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	44
13. SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG	50
14. TÀI SẢN	61
15. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO	61
16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC	62
17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ..	63

PHẦN V. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CP LUYỆN THÉP SÔNG ĐÀ – TỔ CHỨC BỊ SÁP NHẬP	64
1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY	64
2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY	65
3. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY THÀNH VIÊN: Không có	65
4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	65
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010 VÀ 2011	68
6. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH	70
PHẦN VI. CỔ PHẦN CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG	71
1. LOẠI CỔ PHẦN Cổ phần phổ thông	71
2. MỆNH GIÁ 10.000 đồng/cổ phần	71
3. TỔNG SỐ CỔ PHẦN DỰ KIẾN PHÁT HÀNH THÊM	71
4. PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH VÀ TÍNH GIÁ	71
5. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI CỔ PHẦN	71
5.1. Kế hoạch hoán đổi cổ phần từ khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán của UNCKNN	71
5.2. Kế hoạch các công việc sau khi VIS hoàn tất thủ tục hoán đổi cổ phiếu:	72
6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	72
7. CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG	72
8. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN	73
8.1. Công ty cổ phần Thép Việt Ý đang thuộc điều chỉnh của các loại thuế sau:	73
8.2. Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà đang thuộc điều chỉnh của các loại thuế sau:	74
9. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CỦA ĐỢT CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG ĐÃ ĐĂNG KÝ VỚI UBCKNN	74
PHẦN VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	76
1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	76
2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI	76
2.1 Phương án sáp nhập	76
2.2 Xác định tỷ lệ hoán đổi	76
2.3 Lợi ích từ việc sáp nhập Công ty	77
2.4 Định hướng của Công ty sau sáp nhập	78
2.5 Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau sáp nhập	80
PHẦN VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	81
PHẦN IX. CÁC PHỤ LỤC	81

PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v. Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các chủ thể tham gia vào nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Cùng với những thăng trầm của nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam đã đi qua năm 2011 trong bối cảnh áp lực lạm phát tăng cao, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm đạt 5,89% trong đó tốc độ GDP quý I đạt 5,57%, quý II 5,68%, quý III tăng lên 6,07% và quý IV là 6,2%. Mức tăng này thấp hơn so với mức tăng 6,78% của năm 2010 và thấp hơn nhiệm vụ kế hoạch (6%) nhưng trong bối cảnh diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới và trong nước, tốc độ tăng trưởng này vẫn cao hơn một số nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia. Trong 5,89% tăng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,66% với mức tăng chung là 4%, khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 2,32% với mức tăng 5,53%, và khu vực dịch vụ đóng góp 2,91% với mức tăng 6,99%. Vì vậy, việc xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn này đối với các doanh nghiệp thực sự là bài toán không đơn giản.

Lãi suất

Về lãi suất điều hành, lãi suất cơ bản tuy vẫn được giữ nguyên ở mức 9% trong cả năm nhưng lãi suất chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn đều đã được điều chỉnh tăng nhằm làm tăng chi phí vốn của các ngân hàng khi đi vay từ NHNN, từ đó hạn chế việc các ngân hàng thương mại ỷ lại vào NHNN và khiến các ngân hàng này cẩn trọng hơn trong việc cho vay tín dụng. Cụ thể, lãi suất tái chiết khấu đã được điều chỉnh tăng từ 7% lên mức 12% trong quý I và lên mức 13% cho quý III và IV còn lãi suất tái cấp vốn được điều chỉnh tăng từ mức 9% trong tháng 1 lên tới 15% từ quý IV.

Lãi suất cho vay VND bình quân thực tế, theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước trong suốt năm 2011 khá ổn định. Cụ thể, lãi suất cho vay nông nghiệp, nông thôn và xuất khẩu khoảng 17-19%/năm, lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất-kinh doanh khác khoảng 17-21%/năm, lãi suất cho vay lĩnh vực phi sản xuất khoảng 22-25%/năm. Trong khi đó, lãi suất huy động vốn tối đa bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng cũng không có nhiều thay đổi. Mức lãi suất trần đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng trở lên được áp dụng trong cả năm 2011 là 14%/năm, còn mức lãi suất trần đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng được NHNN khống chế ở mức 6%/năm. Đối với đồng USD, lãi suất huy động USD đối với cá nhân và đối với doanh nghiệp vẫn chủ yếu là 2%/năm và 0,5%/năm theo quy định của NHNN trong khi lãi suất cho vay USD phổ biến vẫn ở mức 6-7,5%/năm đối với ngắn hạn và 7,5-8%/năm đối với trung và dài hạn.

Lạm phát

Trong năm 2011, lạm phát trung bình 12 tháng tăng 18,58% so với giai đoạn tương ứng của năm 2010 và 18,13% so với tháng 12/2010. Mức lạm phát tăng cao trong 4 tháng đầu năm lên tới mức 3,32% trong tháng 4 do sức ép từ tỷ giá, giá cả hàng hóa năng lượng và cung tiền. Từ tháng 5 trở đi, nhờ những nỗ lực ổn định hóa quyết liệt của Chính phủ, CPI đã liên tục giảm tốc và xuống dưới

1% kể từ tháng 8/2011. Trong số 11 nhóm hàng hóa, chỉ có duy nhất nhóm bưu chính viễn thông có tốc độ tăng giá âm khoảng 4% so với năm 2010 còn tất cả các mặt hàng còn lại đều có tốc độ tăng khá cao, nhất là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (trong đó chủ yếu là lương thực và thực phẩm) và giáo dục. Tuy nhiên, lớn hơn cả yếu tố giá hàng hóa, chính sách tiền tệ nới lỏng trong suốt vài năm trở lại đây lại được coi là yếu tố chính tác động đến mức lạm phát năm 2011 khi mà lạm phát cơ bản trừ lương thực, thực phẩm tăng 15,1%, và nếu trừ cả năng lượng tăng 14%. Việc chỉ số giá tiêu dùng biến động mạnh trong năm 2011 như vậy yêu cầu các doanh nghiệp cũng như VIS phải chủ động chuẩn bị các biện pháp cần thiết trong trường hợp lạm phát tiếp tục gia tăng vào những tháng cuối năm.

Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá USD/VND năm 2011 đã có nhiều biến động trong những tháng đầu năm và sau đó được duy trì khá ổn định trong suốt năm với mức điều chỉnh tăng giảm trong biên độ cho phép +/-1%. Từ những tháng cuối năm 2010 tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do tăng mạnh và vượt xa khỏi tỷ giá chính thức khoảng 10% và dao động xung quanh mức 21.000 – 21.500 VND/USD. Trước sức ép giảm giá của VND, ngay sau Tết âm lịch, vào ngày 11.2.2011, NHNN đã ra thông báo tăng tỷ giá USD/VND bình quân liên ngân hàng lên mức 20.693 VND/USD và thu hẹp biên độ giao dịch từ +/-3% xuống +/-1%. Đây là lần tăng tỷ giá mạnh nhất kể từ năm 2008 với mức phá giá lên tới 9,3%. Sau khi điều chỉnh cho đến gần hết quý II, tỷ giá liên ngân hàng luôn được duy trì ở mức cao và có lúc lên tới 20.733 VND/USD, còn trong quý III và giữa quý IV, tỷ giá được niêm yết chủ yếu ở dưới mức 20.300 VND/USD. Tuy nhiên từ giữa tháng 10 đến kết thúc năm 2011, tỷ giá đã dần tăng lên trên mức 20.700 VND/USD và chốt năm ở mức 20.828 VND/USD. Tính chung lại, đồng nội tệ vào cuối năm đã giảm giá 0,65% kể từ lần điều chỉnh tỷ giá tháng 2/2011 và giảm 10% so với đồng USD vào thời điểm đầu năm. Hơn nữa, khoảng cách giữa tỷ giá trong hệ thống ngân hàng và trên thị trường tự do không còn chênh lệch nhiều, đặc biệt là với động thái quản lý mạnh tay của NHNN đối với thị trường ngoại hối tự do lần chính thức để điều hướng dòng ngoại tệ trong nước. Có thể thấy, diễn biến tỷ giá trong năm đã chịu nhiều áp lực từ tình hình tăng trưởng tín dụng ngoại tệ đột biến trong các tháng đầu năm, từ diễn biến giá vàng và từ chủ trương hạ mức lãi suất đồng nội tệ của Chính phủ trong bối cảnh lạm phát vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, việc duy trì được tỷ giá tăng ở mức thấp dưới 1% trong nhiều tháng qua được nhìn nhận mang nhiều ý nghĩa tích cực, trấn an dân chúng về khả năng ổn định tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước, trong bối cảnh những sức ép của việc giảm lãi suất tiền đồng và diễn biến của giá vàng và giá USD trên thị trường tự do vẫn còn cao. Việc duy trì mức tỷ giá trong năm 2011 đã được hỗ trợ bởi tình hình cán cân thanh toán tổng thể của đất nước luôn trong trạng thái thặng dư. Cụ thể, cán cân thanh toán tổng thể năm 2011 ước đạt khoảng 2,5 – 4,5 tỷ USD do lượng kiều hối đổ về Việt Nam ước đạt khoảng 9 tỷ USD (cao hơn khoảng 1 tỷ USD so với năm 2010), dự trữ ngoại hối cả năm ước đạt 15 tỷ USD (cao hơn mức 12 tỷ USD của năm 2011) trong khi lượng vốn FDI giải ngân vẫn không đổi so với năm 2010 và nhập siêu giảm tới 2,875 tỷ USD so với năm 2010. Theo đó, nguồn ngoại tệ của hệ thống ngân hàng được giữ ổn định, không có dấu hiệu căng thẳng thanh khoản. Tuy nhiên, áp lực giảm giá đồng nội tệ vẫn còn hiện hữu trong năm 2012 khi mà thâm hụt cán cân thương mại vẫn tồn tại và khi mức lạm phát năm 2012 vẫn được dự đoán ở trên mức 2 con số.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động của Công ty là Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn dưới Luật. Tuy nhiên hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. RỦI RO CẠNH TRANH

Với việc nhiều dự án bất động sản, các công trình xây dựng gặp khó khăn do thiếu vốn hoặc tạm ngừng thì trong các tháng tới nhu cầu thép trong nước được dự báo vẫn sẽ ở mức thấp. Bên cạnh đó, những nước nhập khẩu thép chính của Việt Nam như Mỹ và các nước Tây Âu sẽ giảm bớt số lượng nhập khẩu, điều này sẽ làm cho xuất khẩu thép của các doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn. Trong khi đó, số lượng lớn thép giá rẻ được nhập khẩu vào Việt Nam từ ASEAN và Trung Quốc sẽ khiến sức cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt hơn. Bên cạnh đó, hàng loạt các dự án thép có thể hoàn thành trong năm 2012 như: Dự án thép Liên hợp ở Lào Cai, Dự án giai đoạn II của Gang thép Thái Nguyên cũng tạo thêm áp lực về sự cạnh tranh trong ngành thép.

Sự cạnh tranh trở nên gay gắt dẫn đến nhiều Doanh nghiệp thép đang gặp khó khăn lớn do phải sản xuất cầm chừng, hàng tồn kho nhiều, kinh doanh không có lãi. Nhiều doanh nghiệp thép hiện nay rơi vào tình trạng ngừng hoạt động. Trước sự cạnh tranh gay gắt này, VIS đã chủ động đầu tư đổi mới máy móc, hạ giá thành cũng như nâng cao chất lượng và mẫu mã sản phẩm để tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

4. RỦI RO BIẾN ĐỘNG NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Do đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty có nguyên vật liệu chính là phôi thép (*chiếm 90% giá thành sản phẩm*) và phải nhập khẩu phần lớn từ nước ngoài, vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào biến động giá phôi thép trên thị trường thế giới.

Giá phôi thép tăng cao kéo theo chi phí đầu vào của các Doanh nghiệp trong ngành cũng tăng lên đáng kể. Thêm vào đó, các nguyên vật liệu khác phục vụ cho sản xuất thép cũng biến động tăng như điều chỉnh tăng giá nhiên liệu như giá than và giá điện. Tính toán của các Doanh nghiệp cho thấy, chi phí đầu vào ngành thép bình quân tăng 25% trong năm 2011, trong khi giá bán chỉ tăng 17,8%.

Ý thức được những rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào nêu trên có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ khi thành lập đến nay, VIS đã chủ động đề ra những biện pháp hạn chế các rủi ro này, nhằm ổn định đầu vào phục vụ cho sản xuất và nỗ lực đàm phán các mức giá bán hợp lý để đảm bảo bù đắp được các biến động đầu vào cũng như duy trì hiệu quả sinh lời cao, đồng thời đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép tại Hải Phòng. Hiện nhà máy đã kết thúc giai đoạn chạy thử và chính thức đi vào hoạt động từ cuối năm 2009. Vì vậy, từ năm 2010 trở đi, VIS đã thoát khỏi việc phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn phôi thép nhập khẩu, giúp giảm thiểu đáng kể rủi ro liên quan đến biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Đây chính là một trong những lý do VIS nhận sáp nhập Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/03/2012 vừa qua.

5. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU

Số cổ phiếu hiện đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (VIS) là 30.000.000 cổ phần. Công ty dự kiến phát hành thêm 19.220.577 cổ phần để hoán đổi cổ phần của Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà (SDS). Tỷ lệ số cổ phần phát hành thêm bằng 64% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Do cổ phiếu phát hành thêm được sử dụng để hoán đổi cổ phiếu nên thị giá cổ phiếu VIS không bị điều chỉnh giảm trên sàn.

Tỷ lệ hoán đổi giữa VIS và SDS đã được tính toán một cách hợp lý dựa trên giá trị cổ phiếu của 2 công ty. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ khiến cho tổng số cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên.

Về thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi chia cho cổ đông}}{\text{Số lượng cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong kỳ}}$$

Cụ thể các chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế và EPS của VIS trước và sau sáp nhập như sau:

Khoản mục	Trước sáp nhập (31/12/2012)*	Sau sáp nhập (31/12/2012)*	% tăng/giảm
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	102,643	19,016	-81,47%
EPS (đồng/cp)	3.421	480	-85,97%

Lưu ý: (*): số liệu nêu trên là số liệu dự kiến dựa trên Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của VIS năm 2012. Chi tiết xin xem thêm ở phần Kế hoạch lợi nhuận VIS năm 2012.

Về quyền biểu quyết:

Quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu của VIS sẽ bị giảm do số lượng cổ phần phát hành thêm để sáp nhập đợt này không phát hành cho cổ đông hiện hữu. Do đó, tỷ lệ cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông sau phát hành sẽ giảm xuống, theo đó quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm tương ứng.

6. RỦI RO TÁI CẤU TRÚC

Sau khi thực hiện sáp nhập VIS và SDS, ngoài những yếu tố tích cực mang đến từ lợi ích sáp nhập, VIS cũng sẽ phải gặp một số rủi ro và thách thức từ việc sáp nhập như sau:

- Thị giá của VIS có thể bị ảnh hưởng;
- Những kết quả tích cực từ sáp nhập có thể không được như mong đợi của các cổ đông.

7. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, v.v... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của VIS. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất thép như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (*phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn nhà máy*)... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn.

PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý

- Ông: **Trần Văn Thanh** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc**
- Ông: **Nguyễn Hoàng Ngân** Chức vụ: **Kế toán trưởng, thành viên HĐQT**
- Ông: **Nguyễn Văn Phúc** Chức vụ: **Trưởng Ban Kiểm soát**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

- Ông: **Ngô Quang Trung** Chức vụ: **Giám Đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Thép Việt Ý. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thép Việt Ý cung cấp.

PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

-	UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
-	Sở GDCK HCM	:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
-	DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông;
-	HĐQT	:	Hội đồng quản trị;
-	BTGD	:	Ban Tổng Giám Đốc;
-	BKS	:	Ban kiểm soát;
-	CBCNV	:	Cán bộ - công nhân viên;
-	ISO	:	Chứng chỉ quản lý chất lượng quốc tế ;
-	TCVN 6285:1997	:	Tiêu chuẩn của Việt Nam về thép cốt bê tông - thép thanh vằn
-	TCVN 1651:1985	:	Tiêu chuẩn của Việt Nam về thép cốt bê tông cán nóng
-	JIS G3112 – 1987	:	Tiêu chuẩn của Nhật Bản về thép cốt bê tông cán nóng
-	JIS G3505-1980	:	Tiêu chuẩn của Nhật Bản cho thép tròn trơn cán nóng
-	ASTM A615/A615M	:	Tiêu chuẩn của Mỹ về thép thanh tròn trơn và thanh vằn dành cho thép cốt bê tông
-	BS4449 – 1997	:	Tiêu chuẩn của Anh về thép cốt bê tông
-	T	:	Tấn
-	Tsp	:	Tấn sản phẩm
-	QTB (Quenching)	:	Hệ thống xử lý nhiệt sau cán
-	ĐT& XD	:	Đầu tư và xây dựng;
-	XNK	:	Xuất nhập khẩu;
-	QLDA	:	Quản lý dự án;
-	Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Thép Việt Ý;
-	VIS	:	Tên viết tắt Công ty Cổ phần Thép Việt Ý;
-	SDS	:	Tên viết tắt Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà;
-	BCTC năm 2011	:	Tên viết tắt của Báo cáo tài chính được kiểm toán 2011
-	VCBS	:	Tên viết tắt của Công ty TNHH Chứng khoán NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - tổ chức tư vấn;
-	Cổ phiếu	:	Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Thép Việt Ý phát hành;
-	TTCK	:	Thị trường chứng khoán;
-	VĐL	:	Vốn điều lệ;
-	ĐTXD	:	Đầu tư xây dựng;
-	CTCP	:	Công ty cổ phần;
-	TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn;
-	NHTM	:	Ngân hàng thương mại;
-	BQL DA	:	Ban quản lý dự án;
-	UBND	:	Ủy ban nhân dân.

PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 02/01/2002, Tập đoàn Sông Đà đã quyết định đầu tư xây dựng dây chuyền thiết bị cán thép đồng bộ mới 100% với công suất 250.000 tấn/năm. Đây là dây chuyền thiết bị cán thép hiện đại với tổng giá trị đầu tư là 276 tỷ đồng do tập đoàn hàng đầu thế giới về công nghệ sản xuất thép Danieli (Ý) cung cấp. Sau khoảng 16 tháng khởi công xây dựng, Nhà máy chính thức đi vào hoạt động ngày 14/6/2003.

Theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng ngày 26/12/2003 về việc chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, Nhà máy thép Việt - Ý và phòng Thị trường thuộc Công ty Sông Đà 12 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thép Việt - Ý (VIS). Ngày 11/02/2004, Công ty đã tiến hành đại hội đồng cổ đông lần đầu. Ngày 20/02/2004, Công ty nhận giấy phép đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Qua gần một thập kỷ hình thành và phát triển, Công ty CP Thép Việt - Ý đã và đang lớn mạnh không ngừng và khẳng định được vị thế của nhà sản xuất thép xây dựng hàng đầu tại Việt Nam. Công ty đã giành được rất nhiều giải thưởng giá trị như: TOP 10 Sao Vàng Đất Việt, Top 20 Thương hiệu Chứng Khoán uy tín, Cúp vàng thương hiệu uy tín hàng đầu Việt Nam, Cúp vàng hội nhập kinh tế quốc tế và các huy chương vàng tại các kỳ hội chợ triển lãm có uy tín tại Việt Nam (*Export, Vietbuild, Vinconstruct, v.v...*).

Sản phẩm thép Việt Ý tự hào đã có mặt tại hầu hết các công trình trọng điểm quốc gia và các công trình của nước ngoài, từ các công trình dân dụng, công trình công nghiệp đến các công trình giao thông như: Thủy điện Sơn La, Tuyên Quang, toà tháp 72 tầng Keangnam, Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Trung tâm Thương mại Dầu Khí, cầu Bãi Cháy, cầu Thanh Trì, KĐT Trung Hoà Nhân Chính, KĐT Ciputra, toà nhà The Manor, v.v.... Đặc biệt, tại công trình thủy điện Sơn La - công trình thế kỷ của Việt Nam, Công ty Thép Việt - Ý đã được chọn làm nhà cung cấp thép chính của công trình.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý đã thiết lập được một mạng lưới phân phối rộng khắp với Văn Phòng đại diện tại Hà Nội; 3 chi nhánh tại Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam; 50 Nhà phân phối lớn và hơn 500 cửa hàng đại lý ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của Khách hàng.

2. MỘT SỐ THÔNG TIN CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý

2.1. Thông tin chung

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý**
- Tên tiếng Anh : Viet Nam - Italy Steel Joint Stock Company
- Tên viết tắt tiếng Anh : VIS
- Trụ sở chính : KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

- Điện thoại : 0321 942 427 Fax: 0321 942 226
- Tài khoản : 46610000003420 tại NH Đầu tư và phát triển Hưng Yên
- Giấy ĐKKD số : 0900222647 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 20/02/2004, thay đổi làm thứ 10 ngày 18/03/2010.

2.2. Vốn hoạt động

- Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2011) : 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng);
- Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2011) : 523.614.771.454 đồng (Năm trăm hai mươi ba tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi bốn đồng);
- Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/03/2012) : 492.948.921.645 đồng (Bốn trăm chín mươi hai tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng).

2.3. Hồ sơ pháp lý

- Quyết định số 1748/QĐ-BXD do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ngày 26/12/2003 về việc chuyển đổi (cổ phần hoá) doanh nghiệp Nhà nước thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 12 - Tập đoàn Sông Đà thành Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0900222647 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 20/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/03/2010.
- Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 10 lần, lần lượt như sau:
 - ✓ Lần 1 (29/06/2004): Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng; Đăng ký văn phòng đại diện Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hà Nội;
 - ✓ Lần 2 (18/11/2004): Đăng ký chi nhánh Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Sơn La; Đăng ký lại địa chỉ văn phòng đại diện Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hà Nội;
 - ✓ Lần 3 (01/06/2005): Tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng;
 - ✓ Lần 4 (10/02/2006): Thay đổi chữ ký của Tổng Giám đốc;
 - ✓ Lần 5 (04/04/2006): Bổ sung chi nhánh Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Đà Nẵng;
 - ✓ Lần 6 (29/08/2006): Thay đổi tên chi nhánh Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Sơn La thành chi nhánh Tây Bắc;
 - ✓ Lần 7 (23/4/2007): Tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng;
 - ✓ Lần 8 (20/08/2007): Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty quyền

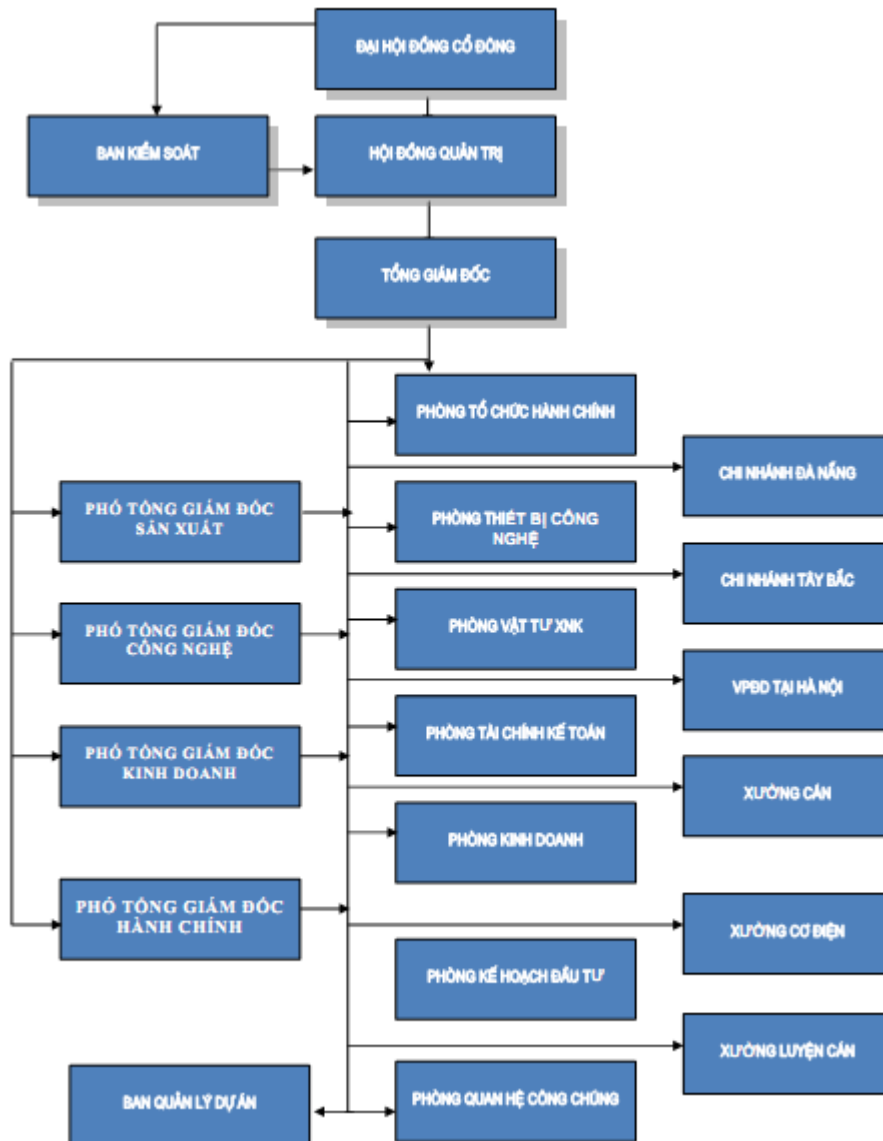
Tổng giám đốc Ông Trần Văn Thanh;

- ✓ Lần 9 (03/01/2008): Thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của công ty Tổng giám đốc Trần Văn Thanh.
- ✓ Lần 10 (18/03/2010): Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

2.4. Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt - Ý (VIS);
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



Cơ cấu tổ chức VIS



3.1 Hội sở chính

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại: 0321 942 887 Fax: 0321 942 226

Hội sở chính là trung tâm điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty. Tại Hội sở chính có các phòng ban với chức năng cơ bản như sau:

3.1.1 Phòng Tổ chức hành chính:

- Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực: Tuyển dụng, đào tạo, tổ chức thi nâng bậc công nhân kỹ thuật, tổ chức sắp xếp nhân lực;
- Thực hiện công tác định mức lao động, tiền lương, chế độ chính sách, bảo hiểm cho người lao động;
- Duy trì và phát huy hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000;
- Thực hiện công tác quản trị hành chính, văn phòng, đời sống cán bộ công nhân viên, tổ bảo vệ.

3.1.2 Phòng kế hoạch đầu tư:

- Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực điều hành sản xuất, kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ trong quản lý kinh tế, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản;
- Tiến hành phân tích hoạt động kinh tế, xây dựng các quy chế quản lý kinh tế nội bộ Công ty;
- Quản lý kho bãi, nguyên nhiên vật liệu, thành phẩm tồn kho trong công ty.

3.1.3 Phòng thiết bị công nghệ:

Tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực:

- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ, vật liệu, quy trình mới để sản xuất ra các sản phẩm có mẫu

- mã đa dạng có chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí đồng thời tăng hiệu quả sản xuất;
- Quản lý thiết bị;
- Quản lý cơ điện gồm các lĩnh vực: Cơ khí, điện - tự động hoá, đo lường;
- Công tác đào tạo;
- Kỹ thuật công nghệ, sáng kiến tiết kiệm;
- Lĩnh vực an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh công nghiệp;
- Công tác quản lý cơ giới.

3.1.4 Phòng tài chính kế toán:

Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính tín dụng, kế toán của Công ty, quản lý tài sản cố định, kiểm tra giám sát mọi hoạt động liên quan đến tài chính tín dụng của Công ty. Nội dung cơ bản bao gồm:

- Hàng tháng lập kế hoạch tài chính cho Công ty;
- Lập kế hoạch tài chính - đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn cho Công ty;
- Xây dựng quy chế thanh toán nội bộ;
- Thực hiện công tác quản lý và sử dụng vốn;
- Phối hợp với Phòng kế hoạch đầu tư để xây dựng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;
- Thực hiện công tác kế toán vật tư;
- Thực hiện công tác kế toán thành phẩm;
- Theo dõi và quản lý tài sản cố định của Công ty;
- Thực hiện công tác kế toán tiền lương, bảo hiểm và các khoản chi phí khác cho người lao động;
- Tổ chức thực hiện mạng lưới thống kê.

3.1.5 Phòng kinh doanh:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty về các vấn đề:

- Xây dựng định hướng Marketing, mô hình bán hàng, kế hoạch kinh doanh, cơ chế chính sách phục vụ công tác tiêu thụ thép trong từng thời kỳ, kế hoạch quảng cáo và xây dựng thương hiệu thép VIS, tiêu thụ sản phẩm thép VIS và thu hồi công nợ;
- Thực hiện công tác quảng cáo, xây dựng thương hiệu thép VIS theo định hướng của Công ty;

- Tiến hành thực hiện các biện pháp nghiệp vụ về quản lý chất lượng sản phẩm (*phòng thí nghiệm VILAS 114*);
- Giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác khách hàng.

3.1.6 Phòng vật tư xuất nhập khẩu:

Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc về các vấn đề:

- Tìm hiểu thông tin của thị trường phôi thép, thị trường thép trong và ngoài nước liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để đưa ra định hướng phát triển phù hợp trong từng thời kỳ;
- Đề xuất các phương án giải quyết thực hiện trình Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty;
- Nhập khẩu phôi thép, phôi luyện phôi thép và thiết bị, phụ tùng từ nước ngoài;
- Quản lý vật tư, mua vật tư, đặt hàng trong nước, v.v...;
- Quản trị thương hiệu, xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng.

Ngoài ra, tại Hội sở chính của Công ty còn có các phân xưởng sản xuất sản phẩm bao gồm: xưởng cán, xưởng cơ điện, xưởng sản xuất phụ.

3.1.7 Phòng Quan hệ công chúng:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xây dựng chiến lược quản trị và phát triển thương hiệu, chiến lược marketing và PR;
- Tham mưu cho Ban giám đốc về ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý (quản lý bán hàng, quản lý nhân sự, quản lý sản xuất, quản lý kho vật tư,..);
- Chủ trì và biên tập các trang tin, hình ảnh tuyên truyền, quảng cáo trên cổng thông tin điện tử của Công ty qua trang web chính thức và web nội bộ.

3.2 Các chi nhánh

3.2.1 Chi nhánh Tây Bắc

- Địa chỉ: Khu CN Chiềng Sinh, xã Chiềng Sinh, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La
- Điện thoại: 022 210 457 Fax: 022 214 469

Chức năng chính:

- ✓ Thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo Ủy quyền;
- ✓ Liên hệ với các Sở, ban, ngành của các tỉnh phía Bắc (*Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Lào*

Cai, v.v...) nhằm thực hiện nội dung công việc được giao;

- ✓ Thiết lập, tổ chức mạng lưới tiêu thụ thép VIS.

3.2.2 Chi nhánh Đà Nẵng

Văn phòng chi nhánh Đà Nẵng:

- Địa chỉ: Lô 14, khu Vận tải II, đường Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511 920 236 Fax: 0511 920 318

Văn phòng bán hàng của chi nhánh Đà Nẵng:

- Địa chỉ: 345/41 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Q. 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 08-38375264

Chức năng chính của chi nhánh:

- ✓ Thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo Ủy quyền;
- ✓ Liên hệ với các Sở, ban, ngành của thành phố Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- ✓ Thiết lập, tổ chức mạng lưới tiêu thụ thép VIS.

Ngoài ra chi nhánh Đà Nẵng còn có văn phòng bán hàng tại thành phố Hồ Chí Minh:

3.3 Văn phòng đại diện tại Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 8 – Toà nhà HH4 – Khu đô thị Mễ Đình – Mễ Trì – Từ Liêm – Hà Nội
- Điện thoại: 04-62.511.091 Fax: 04-62.511.090

Chức năng chính:

- ✓ Tổ chức quản lý, hỗ trợ bán hàng;
- ✓ Bán hàng trực tiếp và bán hàng nội bộ Tổng Công ty;
- ✓ Thu hồi công nợ;
- ✓ Nghiên cứu thị trường và quảng cáo, xây dựng thương hiệu thép VIS;
- ✓ Quản lý chất lượng sản phẩm;
- ✓ Thực hiện các công tác khác.

4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Việt Ý được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

❖ Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần Thép Việt Ý.

❖ Hội đồng quản trị

Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban khác.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt Ý hiện có 05 thành viên bao gồm: 01 Chủ tịch, và 04. thành viên. Trong đó, có 3/5 thành viên HĐQT của VIS là những thành viên độc lập không điều hành.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Trần Văn Thạnh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trần Quang Đường – Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Ngọc Thịnh – Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Hoàng Ngân – Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Ngọc Anh – Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

❖ Ban Tổng Giám đốc

Chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

Hiện nay, Ban Tổng Giám đốc của VIS gồm 05 thành viên: Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Trần Văn Thạnh – Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Ông Trần Ngọc Anh – Chức vụ: Phó tổng Giám Đốc
- Ông Ngô Xuân Toàn – Chức vụ: Phó tổng Giám Đốc
- Ông Phạm Mạnh Cường – Chức vụ: Phó tổng Giám Đốc

- Ông Phạm Quang Vinh – Chức vụ: Phó tổng Giám Đốc

❖ Ban Kiểm soát

Do ĐHCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty; báo cáo cho ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Công ty.

Hiện nay, Ban Kiểm soát của VIS có 03 thành viên trong đó có một Trưởng ban và 02 thành viên.

Danh sách thành viên Ban Kiểm Soát:

- Ông Nguyễn Văn Phúc – Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát
- Ông Phạm Thái Hà – Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát
- Bà Nguyễn Minh Phúc – Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/02/2012

STT	Tên cổ đông	CMTND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tập đoàn Sông Đà	000109576	Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội	15.300.000	51,00

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông ngày 15/02/2012 của VIS)

5.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/02/2012

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN NẪM GIỮ	TỶ LỆ (%)
1	Trong nước		28.794.400	95,98%
	Tổ chức		16.168.375	53,89%
	<i>Trong đó Nhà nước</i>		15.300.000	51,00%
	Cá nhân		12.626.025	42,09%
2	Nước ngoài		1.205.600	4,02%
	Tổ chức		788.250	2,63%
	Cá nhân		417.350	1,39%

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông ngày 15/02/2012 của VIS)

6. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

6.1. Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VIS: 01 Công ty

- Tên Công ty : Tập đoàn Sông Đà
- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội
- Số ĐKKD : 000109576
- Tỷ lệ sở hữu tại VIS: 51,00% vốn điều lệ.

6.2. Các công ty do VIS nắm giữ cổ phần chi phối: Không có

6.3. Các công ty liên doanh, liên kết của VIS:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà (SDS)
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, Hoàng Động, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Số ĐKKD: 0203004401
- Tỷ lệ sở hữu của VIS: 43% vốn điều lệ

7. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

VIS hiện được trang bị một dây chuyền cán thép vào loại hiện đại nhất do tập đoàn DanIELI (Ý) cung cấp. Với lợi thế như vậy, VIS có khả năng cung cấp ra thị trường hàng năm 250.000 tấn các sản phẩm thép đa dạng và phong phú về chủng loại. Các sản phẩm thép mà VIS có thể sản xuất theo thiết kế bao gồm các loại thép cuộn Ø 5,5 đến Ø 12 và thép thanh từ D10 đến D40 được sử dụng làm bê tông, cốt thép chịu lực chính cho các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng cơ sở, v.v....

Các sản phẩm của VIS khi cung cấp ra thị trường luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất của thép xây dựng chất lượng cao như: TCVN 1651 - 1997 (*Việt Nam*), JIS G3112 (*Nhật Bản*), ASTM A615/A615M - 00 (*Mỹ*), BS4449 - 1997 (*Anh*).

Các sản phẩm thép của VIS đã tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường Việt Nam và ngày càng khẳng định vị thế của mình. Điều này được phản ánh rõ nét thông qua sản lượng tiêu thụ, doanh thu và thị phần của VIS các năm kể từ 2003 đến nay.

Một số hình ảnh sản phẩm của VIS:



Thép cuộn



Thép thanh vằn

Sản phẩm thép Việt Ý đã được sử dụng ở rất nhiều công trình lớn, và công trình trọng điểm quốc gia như:

TT	TÊN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM CỦA VIS	QUY MÔ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ THẦU
I	DỰ ÁN GIAO THÔNG			
1	Đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương	400.000 tấn	TP.HCM - Tiền Giang	Cienco 1, TCT Xây dựng Thăng Long
2	Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng	120.000 tấn	Hà Nội – Hải Phòng	GS E&C, Namkwang E&C, Keangnam E&C, CT XD Cầu đường Trung Quốc
3	Đường trên cao Pháp Vân – Mai Dịch	54.000 tấn	Hà Nội	Cienco4, Cienco8, TCT Xây dựng Thăng Long, Sumitomo
4	Đường cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên	23.000 tấn	Hà Nội – Thái Nguyên	Cienco 1, Cienco 8, Vinaconex
5	Cầu Bắc Hưng Hải	13.000 tấn	Văn Giang – Hưng Yên	Utracon
6	Cầu Phù Đổng II	8.000 tấn	Hà nội	Cienco 1, Cienco 4
7	Cầu Vĩnh Tuy	30.000 tấn	Hà Nội	Các TCT Bộ Giao thông
8	Cầu Đông Trù	15.000 tấn	Hà Nội	Các TCT Bộ Giao thông
9	Vành đai Nam Sông Hậu	2.900 tỷ đồng	Cần Thơ - Bạc Liêu	Cienco 1, TCT Xây dựng Thăng Long
10	Cầu Pá Uôn	16,000 tấn	Sơn La	Cienco 4, TCT Xây dựng Thăng Long

TT	TÊN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM CỦA VIS	QUY MÔ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ THẦU
11	Cầu Hạ Hoà	360 tỷ đồng	Phú Thọ	Cienco 1
12	Cầu Yên Lệnh	9.000 tấn	Hà Nam	Nhiều Nhà thầu
13	Đường Nội bài Bắc Ninh	560 tỷ đồng	Hà Nội	Nhiều Nhà thầu
14	Cầu Hoà Bình	300 tỷ đồng	Thái Bình	Cienco1
15	Đường tránh Nam Định	310 tỷ đồng	Nam Định	Cienco4
16	Đường tránh Hải Dương	251 tỷ đồng	Hải Dương	TCT Xây dựng Trường sơn
17	Đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	5.422 tỷ đồng	Hà Nam - Ninh Bình	Nhiều Nhà thầu
18	Hầm Đèo Ngang	150 tỷ đồng	Quảng Trị	TCT Sông Đà
19	Hầm Hải Vân (<i>Quốc lộ 1</i>)	251 triệu USD	Thừa Thiên Huế	HAZAMA - Sông Đà
20	Hầm ARoàng (<i>Đường Hồ Chí Minh</i>)	528 tỷ đồng	Thừa Thiên Huế	TCT Sông Đà
II	DỰ ÁN CAO ỐC & KHU ĐÔ THỊ MỚI			
1	Keangnam Hanoi Landmark Tower	1 toà 72 tầng, 2 toà 47 tầng	Đường Phạm Hùng - Hà Nội	Keangnam Enterpriess Ltd.,
2	Hanoi City Complex	1 toà 65 tầng	Đường Liễu Giai - Hà Nội	Deawoo Motor
3	Indochina Hanoi Plaza	1 toà 34 tầng, 2 toà 27 tầng	239 Xuân Thủy - Hà Nội	Tungfeng
4	Nhà Quốc Hội (mới)	18.000 tấn	Bắc Sơn – Hà Nội	Tập đoàn Sông Đà, TCT XD Hà Nội, Licogi, Vimexco
5	Dự án xây mới trụ sở Bộ Ngoại giao	13.000 tấn	Lê Đức Thọ	Nhiều nhà thầu
6	Trụ sở Bộ Công an	20.000 tấn	Phạm Văn Đồng	Nhiều nhà thầu
7	Khu ĐTM Ngoại giao đoàn	Nhiều khối nhà cao tầng	Xuân La – Xuân Đình – Hà Nội	TCT XD Hà Nội
8	Royal City	Nhiều khối nhà CC cao cấp, TT Thương mại, Khu vui chơi giải trí	74 Nguyễn Trãi – Hà Nội	Delta, TCT XD Hà Nội

TT	TÊN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM CỦA VIS	QUY MÔ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ THẦU
9	Times City	39 khối nhà CC 17 tầng, Bệnh viện	460 Minh Khai - Hà Nội	Delta, TCT XD Hà Nội
10	Munbery Lane	5 khối CC cao 27 đến 35 tầng	Mỗ Lao – Hà Đông	Tungfeng, CSCEC
11	Thăng Long Mansion	3 khối 27 đến 32 tầng	Lê Đức Thọ - Hà Nội	Công ty XD và Du lịch Hà Hải
12	FLC Landmark Tower	2 khối 30 tầng	Lê Đức Thọ - Hà Nội	Công ty CP Tài chính Ninh Bắc, Công ty XD Hòa Bình
13	Diamond Flow Tower	32 tầng	Lê Văn Lương – Hà Nội	Handinco 6
14	Văn Phú Victoria	3 tòa 39 tầng	Văn Phú – Hà Đông	Văn Phú Invest
15	Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ C37 Bắc Hà	2 khối 32 tầng	Lê Văn Lương kéo dài	Công ty XD Bắc Hà
16	Khu ĐTM An Hưng	Nhiều khối nhà	Lê Văn Lương kéo dài	Công ty CP Hải Phát
17	Hacau Plaza	6 tòa 32 tầng	Hà Cầu – Hà Đông	Hyundai E&C
18	Golden Land	5 tòa 25 đến 35 tầng	275 Nguyễn Trãi – Hà Nội	Posco E&C
19	Hud Tower	2 tòa 32 tầng	Lê Văn Lương	Hud 1, Thành Nam
20	Mipex Riverside	3 tòa 28 tầng	Số 2 Long Biên	Mipex
21	Chung cư cao cấp Booyoung Vina	7 tòa 35 tầng	Mỗ Lao – Hà Đông	Delta, Sico 6
22	Golden Palace Tân Hoàng Minh	32 tầng	Số 6 Nguyễn Văn Huyền	Công ty XD Hòa Bình
23	Khu Đô thị Ciputra	Nhiều khối nhà	Ciputra	Nhiều nhà thầu
24	Nam Đô Complex	5 khối 25 tầng	Trương Định – Hà Nội	Vinaconex
25	The Lancauter	30 tầng	20 Núi Trúc	Delta
26	Chung cư cao cấp No5	5 tòa 24 tầng	KĐT Trung Hòa,	TCT VINACONEX

TT	TÊN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM CỦA VIS	QUY MÔ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ THẦU
			Nhân Chính	
27	Tổ hợp nhà đa năng Văn phòng và Chung cư cao cấp Tayson Complex	3 toà 25 tầng	229 Tây Sơn - Hà Nội	Công ty Xây dựng Hoà Bình, CTCP Long Giang, Licogi 20
28	Tháp EVN	2 toà 27 tầng	11 Cửa Bắc - Hà Nội	Nhiều Nhà thầu
29	Căn hộ cao cấp và văn phòng cho thuê KS2	1 toà 25 tầng	Nam Trung Yên, Cầu Giấy, HN	TCT UDIC
30	Hanoi Sky City	25 tầng	88 Láng Hạ - Hà Nội	DELTA
31	Tháp Vincom II	25 tầng	Đoàn Trần Nghiệp - Hà Nội	DELTA
32	Khách sạn 5 sao Crown Plaza	1 toà 25, 22, 19	Lê Đức Thọ - Hà Nội	Nhiều Nhà thầu
33	Sài Gòn Pearl	2 toà 40 tầng	92 Nguyễn Hữu Cánh, TP.HCM	TCT Sông Đà
34	The Manor (Bitexco Sài Gòn)	18 tầng	Nguyễn Hữu Cánh, TP.HCM	CTCP Long Giang
35	Toà nhà Syrena, Hồ Tây	25 Tầng	Tây Hồ, Hà Nội	Xí nghiệp 3, LICOGI 20
36	Toà nhà VIMECO	25 Tầng	Phạm Hùng, Cầu Giấy, HN	CTCP cơ giới & XD-VINACONEX
37	Toà nhà cao tầng Sông Đà	12 Tầng	Phạm Hùng, Cầu Giấy, HN	Công ty Sông Đà 1
38	Trung tâm Thương mại Dầu khí	4.500 tấn	Láng Hạ, Hà Nội	TCT VINACONEX
39	Chung cư cao cấp M3- M4	25 Tầng	27 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	Công ty Đầu Tư Phát Triển Nhà
40	Chung cư cao cấp M5	35 tầng	Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	Công ty Đầu Tư Phát Triển Nhà
41	Trường Quốc Tế Liên Hiệp Quốc	2 Ha	Nam Thăng Long, Hà Nội	Công ty xây dựng số 1- Cofico1
42	Viglacera Building	19 Tầng	671 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội	VIGLACERA

TT	TÊN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM CỦA VIS	QUY MÔ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ THẦU
43	Khách sạn Ever Forturre Plaza	21 Tầng	83 Lý Thường Kiệt, Hà nội	Công ty Xây dựng DD & Công nghiệp Delta
44	Tổ hợp Căn hộ Cao cấp	25 Tầng	Số 5 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	Công ty Xây dựng công nghiệp HN
44	Trung tâm Hội nghị Quốc gia (mới)	3.500 tấn	Hà nội	Nhiều nhà thầu
45	Cao ốc 93 Lò Đúc	29 tầng	Hà nội	Delta
46	Trung tâm Thương mại Cầu giấy	28 tầng	Hà nội	Delta
47	Toà nhà Kinh Đô	25 tầng	Hà nội	Delta
III DỰ ÁN XÂY DỰNG MẢNG CÔNG NGHIỆP				
1	Nhà máy xi măng Phúc Sơn (sx 2.1 triệu tấn/năm)	Kinh Môn-Hải Dương		Cty ZHONG CAI, Trung Quốc
2	Nhà máy xi măng Hạ Long (sx 2.4 triệu tấn/năm)	Hạ Long-Quảng Ninh		TCT Sông Đà
3	Nhà máy xi măng Thăng Long (sx 2.4 triệu tấn/năm)	Hạ Long-Quảng Ninh		TCT Xây dựng & PT hạ tầng-Licogi
4	Nhà máy xi măng Thái Nguyên (sx 1.6 triệu tấn/năm)	Thái Nguyên		TCT Xây dựng Công nghiệp VN
5	Nhà máy xi măng Bút Sơn (Dây chuyền II 2.2 triệu tấn/năm)	Hà Nam		Nhiều Nhà thầu
6	Nhà máy xi măng Bim Sơn (Dây chuyền II 2.2 triệu tấn/năm)	Thanh Hoá		Nhiều Nhà thầu
7	Nhà máy xi măng Cẩm Phả (sản xuất 2.4 triệu tấn/năm)	Cẩm Phả-Quảng Ninh		VINACONEX
8	Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí (mở rộng) 320 MW	Uông Bí-Quảng Ninh		Constrexin
9	Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động 220 MW	Sơn Động - Bắc Giang		TCT Xây dựng nền móng Trung Quốc
10	Nhà máy Thủy Điện Sơn La	Sơn La		TCT Sông Đà - Licogi -VINACONEX
11	Nhà máy Thủy Điện Nậm	Sơn La		TCT Sông Đà

TT	TÊN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM CỦA VIS	QUY MÔ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ THẦU
	Chiến			
12	Nhà máy Thủy Điện Huội Quảng		Lai Châu	TCT Sông Đà
13	Nhà máy Thủy Điện Bản Trát		Lai Châu	TCT Licogi
14	Nhà máy thủy điện Na Hang 320 MW		Na Hang-Tuyên Quang	TCT Sông Đà
15	Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ 320 MW		Tương Dương-Nghệ An	TCT Sông Đà - LICOGI
16	Nhà máy Thủy Điện Bình Điền		Huế	TCT Sông Đà
17	Nhà máy Thủy Điện Rào Quán		Quảng Trị	TCT Sông Đà
18	Nhà máy Thủy điện Lai Châu 1.800 MW		Lai Châu	Tập đoàn Sông Đà – và Nhà thầu khác

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép Việt Ý)

Doanh thu, Lợi nhuận của VIS giai đoạn 2009 – 2011

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011		31/03/2012	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu thuần	2.068.130	100,0	3.084.163	100,0	3.914.632	100,0	929.283	100,0
Lợi nhuận gộp	321.900	15,7	232.668	7,5	257.981	6,6	58.005	6,2
Lợi nhuận trước thuế	260.184	12,6	145.458	4,7	35.430	0,9	12.478	1,3
Lợi nhuận sau thuế	225.425	10,9	110.415	3,6	27.213	0,7	9.334	1,0

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009-2011, Báo cáo tài chính Quý 1/2012 của VIS)

Doanh thu, lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế của VIS giảm tương đối lớn qua các năm do tình hình kinh doanh khó khăn từ năm 2010 đến nay. Đây là hệ quả tất yếu từ suy thoái kinh tế. Tuy nhiên trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn chung, nhiều công ty cùng ngành hiện phải sản xuất cầm chừng, thậm chí ngừng hoạt động thì kết quả kinh doanh của công ty là thành công rất lớn.

7.2 Nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu cho nhà máy cán thép là phôi thép, vật tư phôi chiếm đến 90% cơ cấu giá thành sản xuất. Trong khi đó, nguồn phôi thép trong nước chủ yếu do các nhà máy gang

thép Thái Nguyên, công ty Thép Việt, thép Hòa Phát cùng một vài nhà máy nhỏ khác cung cấp với số lượng đáp ứng khoảng 20% nhu cầu của cả nước. Mặt khác do đặc thù của VIS là nhà máy chuyên sản xuất thép mác cao, các nguồn phôi trong nước không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, vì vậy, VIS vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn phôi nhập khẩu từ nước ngoài. Lượng phôi thép mua từ các đối tác trong nước hiện nay chiếm khoảng 25% tổng khối lượng phôi thép mua cả năm.

Trung Quốc và Nga là hai thị trường cung cấp nguyên liệu phôi thép chủ yếu của VIS. Tuy nhiên, phôi thép nguyên liệu nhập khẩu từ hai thị trường này thường không ổn định về nguồn hàng nhập và giá nhập. Vì vậy VIS phải mở rộng tìm kiếm thêm các thị trường khác như Mexico, Brazil, v.v ...

Để giải quyết bài toán giá thành sản phẩm VIS đã đề ra những giải pháp khắc phục về cả ngắn hạn và dài hạn như:

- **Cơ cấu lại bộ máy tổ chức**

Công ty đã kiện toàn lại bộ máy, tách bộ phận mua bán vật tư từ phòng Kế hoạch đầu tư sáp nhập vào phòng Hợp tác quốc tế đổi tên thành phòng Vật tư xuất nhập khẩu với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến việc nhập, mua và bán phôi thép, thiết bị phụ tùng, vật tư trong và ngoài nước; Quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm khai thác hiệu quả nguyên vật liệu đầu vào cho Công ty.

- **Đầu tư thiết bị và công nghệ sản xuất mới**

VIS luôn xác định rõ chiến thắng về giá cả chỉ là sự thất bại trong tương lai. Chỉ có sự khác biệt về sản phẩm và thành công của thương hiệu mới là thắng lợi bền vững. Chính vì vậy, Công ty đã tận dụng lợi thế về công nghệ và thiết bị hiện đại của Daniey- Italy tập trung sản xuất các sản phẩm mác cao mà các nhà máy thép khác không sản xuất được như: thép D40, thép mác CIII, thép mác SD390, SD490, Gr60, Gr40.... theo các tiêu chuẩn của Việt Nam, Nhật Bản, Mỹ, Anh, từ đó tiếp tục củng cố giá trị thương hiệu, gắn tên tuổi của VIS với tên tuổi của các công trình trọng điểm quốc gia.

Việc nghiên cứu và áp dụng thành công công nghệ cán sản phẩm từ phôi 150mm x 150mm đã làm tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm Thép Việt - Ý. Sự cải tiến này giúp cho việc mua phôi được chủ động hơn, mặt khác làm giảm tỷ lệ tiêu hao kim loại vào thép ngắn dài từ 3% xuống còn 1,95%, kéo theo tỷ lệ tiêu hao về điện, dầu và vật tư cũng giảm, chi phí sản xuất giảm đáng kể.

Trước tình hình giá dầu thế giới biến động liên tục, do đó chi phí nhiên liệu trong đơn giá 1 tấn sản phẩm tăng cao, VIS đã quyết định đầu tư trạm sinh khí hoá than thay thế dầu FO nhằm nắm bắt kịp

thời cơ hội kinh doanh, giảm chi phí sản xuất tăng khả năng cạnh tranh của thép VIS trên thị trường. Hiệu quả kinh tế mang lại từ việc giảm chi phí khi dùng khí hoá than so với sử dụng dầu FO là rất lớn, chi phí tiết kiệm bình quân 1 năm vào khoảng 28,7 tỷ đồng.

- **Tìm kiếm nguồn cung cấp phôi ổn định**

VIS luôn đặt nhiệm vụ việc tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên liệu phôi ổn định về chất lượng và giá cả lên hàng đầu. Nguồn tìm kiếm của VIS chủ yếu tập trung vào các nước như Trung Quốc, Nga, Ukraina, Nhật bản và một số nước trong khối ASEAN. Các chuyến khảo sát ra nước ngoài đã được cán bộ làm công tác xuất khẩu phân tích và tổng hợp dựa trên các đặc điểm về địa lý và tập quán thương mại của mỗi quốc gia. Đến nay, VIS đã thiết lập được hàng chục mối nhập khẩu phôi trực tiếp và gián tiếp như: R and K trading, Stemcor, LG International Corp, Daewoo International Corp, IPC Company Ltd, MacSteel International Far East Limited, Chinamerry, v.v...

- **Chủ động về nguồn tài chính và nguồn ngoại tệ phục vụ nhập khẩu**

Giá của phôi thép thế giới luôn biến động. Do vậy, để chủ động trong thời điểm và khối lượng phôi nhập, VIS đã thực hiện cân đối nguồn tài chính ngắn hạn và tìm kiếm các nguồn vốn vay.

VIS đang duy trì mối quan hệ vay - trả tốt với các ngân hàng thương mại có uy tín tại Việt Nam, không có món nào phải gia hạn. Do vậy hiện nay, ngoài nguồn vốn kinh doanh là 300 tỷ đồng, VIS đang có tổng hạn mức tín dụng với các ngân hàng là 1.100 tỷ đồng với lãi suất trung bình cho đồng USD là 5,5%/năm và cho đồng Việt Nam là 1,4 %/tháng. Điều này đã góp phần giúp doanh nghiệp đảm bảo chủ động trong việc mua phôi thép, tận dụng thời cơ khi giá phôi thép giảm, giảm giá thành đầu vào và tăng lợi nhuận cho Công ty.

- **Xây dựng nhà máy phôi tại Hải Phòng**

Trong tháng 7/2006, VIS đã xúc tiến tìm kiếm nguồn tài trợ để thực hiện dự án xây dựng nhà máy phôi thép Hải Phòng với công suất 400.000 tấn/năm. Nhà máy phôi thép Hải Phòng ra đời không những chỉ phục vụ cho nhu cầu thiếu hụt chung của thị trường trong nước mà trước tiên sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng phôi thép của VIS từ đó tiến tới ổn định hoạt động sản xuất cũng như hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Hiện nay, sở hữu của VIS tại đây là khoản 43,16%.

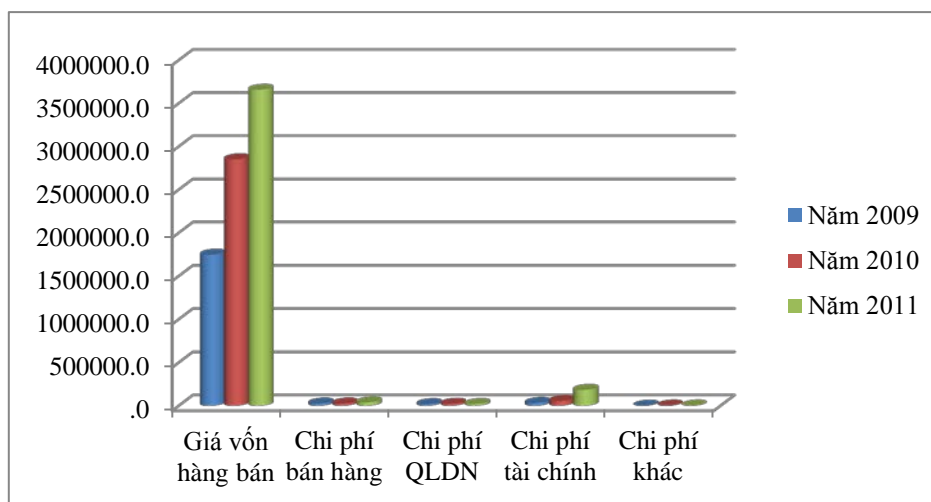
7.3 Chi phí sản xuất

Đơn vị: triệu đồng

Các khoản mục chi phí	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011		31/03/2012	
	Giá trị	%/Tổng Doanh thu	Giá trị	%/Tổng Doanh thu	Giá trị	%/Tổng Doanh thu	Giá trị	%/Tổng Doanh Thu
Giá vốn hàng bán	1.746.230	84,44%	2.851.495	92,46%	3.656.651	93,41%	871.279	93,76%
Chi phí bán hàng	26.013	1,26%	26.829	0,87%	40.453	1,03%	11.649	1,25%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.422	0,89%	22.689	0,74%	20.239	0,52%	5.567	0,60%
Chi phí tài chính	33.027	1,60%	55.857	1,81%	183.600	4,69%	30.711	3,30%
Chi phí khác	74	0,00%	2.339	0,08%	2.150	0,05%		0,00%
Tổng chi phí hoạt động	1.823.766	88,18%	2.959.209	95,95%	3.903.093	99,71%	919.205	98,92%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009-2011, Báo cáo tài chính Quý 1/2012 của VIS)

Cơ cấu chi phí



Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty, chiếm trên 90% tổng doanh thu. Giá vốn hàng bán của Công ty có xu hướng tăng qua các năm do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao.

7.4 Trình độ công nghệ

Dây chuyền cán thép của Công ty được nhập khẩu, lắp đặt và chuyển giao công nghệ toàn bộ bởi hãng hàng đầu thế giới về công nghệ luyện, cán thép Danieli (Ý). Công nghệ trên dây chuyền này có thể khẳng định thuộc loại số 1 của Ý cũng như trên thế giới dựa trên việc áp dụng các thành tựu khoa học hiện đại trong lĩnh vực tự động hoá điều khiển và duy trì độ ổn định của dây chuyền công

nghệ trong quá trình sản xuất.



- **Các thiết bị tự động hoá và điều khiển điện**

Việc áp dụng các bộ điều khiển khả trình PLC S7 - 400 cùng với các phần mềm giao diện điều khiển Window Viewer; Window InTouch và các phần mềm theo dõi, phân tích dữ liệu Fda (Fast Data Analysis) trong quá trình cán, phần mềm phát hiện sửa lỗi TU95... cho phép duy trì tính ổn định của sản phẩm cán.

- **Các thiết bị trên dây chuyền cán thép**

i. Lò nung

Lò nung trong dây chuyền cán thép của VIS là loại lò nung hiện đại kiểu đáy bước 12 m được nhà thầu cung cấp thiết bị Danieli thiết kế và cung cấp với công suất 50T/giờ.

ii. Máy cán

Hiện Công ty sử dụng loại máy cán có các bộ phận cơ bản bao gồm: (1) mô-tơ, (2) khớp nối, (3) hộp bánh răng, (4) giá cán không khung (housingless stand), hướng dẫn vào/ra. Các giá cán được bố trí thẳng đứng và nằm ngang xen kẽ nhau để dễ điều chỉnh, tránh bị xoắn trong quá trình cán. Xen kẽ các giá cán là các máy tạo chùng để khử hiện tượng co kéo thép trong quá trình cán

iii. Block cán tinh

Đây là bộ phận quan trọng trong sản phẩm thép dây đáng quan tâm trong thời gian gần đây. Nó có đặc điểm chính là tốc độ cán lớn (80m/s) và được thiết kế lên tới 140m/s. Sản phẩm được cán bằng các bánh cán làm bằng Cacbit Vonfram nên có độ bóng đẹp và đảm bảo đồng đều về đơn trọng. Ưu điểm này đã được thực tế chứng minh bằng việc các hãng chế tạo hiện nay trên thế giới như: Morgan, Danieli, Pomini, Sket... đều sử dụng công nghệ này vào dây chuyền cán thép.

iv. Hệ thống xử lý nhiệt làm nguội thép cán (QTB)

Mục đích của quá trình tôi thép (QTB) để tăng cơ tính của thép vắn, thậm chí khi sử dụng loại phôi cán có thành phần hóa học thấp. Chỉ bằng việc sử dụng dây chuyền tôi thép với thép carbon hàm lượng thấp sẽ có được đặc tính kỹ thuật cuối cùng của sản phẩm, thậm chí cao hơn khi sử dụng thép hợp kim thấp hơn chi phí sản xuất thấp. Đối với các mác thép khi qua quá trình QTB, độ bền

chảy đạt được thường cao hơn 8 - 12%, độ bền kéo 10 - 20% và độ dẫn dài 7 - 11% so với dây chuyền cán thép thông thường không qua hệ thống xử lý nhiệt, qua đó có thể tiết kiệm tới 18% chi phí sản xuất nhờ có hệ thống QTB, trong khi đó đối với thép hợp kim, chi phí phiê chỉ tiết kiệm 8%.

v. Các thiết bị thu thập thành phẩm

Sản phẩm cán được thu thập và đóng bó một cách tự động giúp cho việc tăng năng suất và cải thiện điều kiện lao động của công nhân khu vực thành phẩm.

7.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật của Công ty có tuổi đời trẻ và tay nghề. không ngừng học hỏi và áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

Với mục tiêu đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, phục vụ tối đa các sản phẩm chất lượng cho các công trình trọng điểm quốc gia hạn chế tối đa hàng hoá phải nhập khẩu. Vì vậy trong thời gian qua công ty đã nghiên cứu thiết kế đưa vào sản xuất sản phẩm mới:

- Công ty nghiên cứu cán thành công các loại thép có đường kính từ D14 - D40 từ phiê thép có kích thước 150x150 mm;
- VIS đã sản xuất được thép D40 và các sản phẩm khác có chiều dài theo yêu cầu của khách hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

7.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đối với sản phẩm thép thì chất lượng sản phẩm gắn liền với suất đời của dự án. Vì vậy việc kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm là rất quan trọng.

Với mục tiêu: *“Vì sự bền vững cho mọi công trình, vì lợi ích của toàn xã hội, khách hàng là người trả lương cho chúng tôi”*, đồng thời tuân thủ mọi quy định của pháp luật Nhà nước và quốc tế, Công ty chủ động giám sát chặt chẽ từ giai đoạn đầu vào, trong quá trình sản xuất đến đầu ra cho cả thị trường, đến tay người tiêu dùng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000 (được công nhận chính thức ngày 27-06-2003 do tổ chức BVQI cấp) và ISO/IEC 17025-2001 đối với trạm thí nghiệm mang số hiệu VILAS 114 do văn phòng công nhận chất lượng - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp ngày 25/05/2003.

Sản phẩm của công ty đều thực hiện theo tiêu chuẩn trong và ngoài nước, đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng là tốt nhất. Có thể kể đến một số tiêu chuẩn điển hình trong và ngoài nước mà Công ty hiện đang áp dụng:

- Tiêu chuẩn của Việt Nam: TCVN 6285:1997 về thép cốt bê tông - thép thanh vằn; TCVN

1651:1985 về thép cốt bê tông cán nóng;

- Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM/A615M - 95b Standard Specification for Deformed and Plain Billet – Steel Bars for Concrete Reinforcement - Tiêu chuẩn về thép thanh tròn trơn và thanh vằn dành cho thép cốt bê tông;
- Tiêu chuẩn của Đức: DIN 488 Reinforcing Steel Bar, Dimensions - Tiêu chuẩn thép cốt bê tông;
- Tiêu chuẩn của Anh: BS 4449 - 1997 Carbon Steel Bars for the Reinforcement of Concrete - Tiêu chuẩn thép cacbon cho thép cốt bê tông;
- Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS G3505-1980 Low Carbon Steel Wire Rods - Tiêu chuẩn thép tròn trơn; JIS G3112-1987 Steel Bar for Concrete Reinforcement - Tiêu chuẩn thép cốt bê tông;
- Tiêu chuẩn cơ sở: TC 004 - VIS 2004 thép cốt bê tông - thép thanh vằn, đường kính danh nghĩa từ D10 đến D51.

Một số thành tích đã đạt được

STT	Thành tích đạt được	Năm	Cơ quan
1	Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ	2010	Thủ tướng Chính phủ
2	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	2010	Thủ tướng Chính phủ
3	Giải Bạc Chất lượng Quốc gia	2010	Thủ tướng Chính phủ
4	Top 10 Giải Sao Vàng Đất Việt 2009	2009	Trung ương hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam
5	Top 20 Thương hiệu chứng khoán uy tín 2009	2009	UBCK Việt Nam và N.hàng NN Việt Nam
6	Cúp vàng Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2008	2008	Thời báo kinh tế Việt Nam Cục xúc tiến TMVN
7	Cúp vàng Thương hiệu Chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam	2008	UBCK Việt Nam và N.hàng NN Việt Nam
8	Cúp vàng hội nhập kinh tế quốc tế	2008	UBQG về hợp tác Q.tế và báo Người đại biểu Nhân dân
9	Cúp vàng dành cho Thương hiệu uy tín hàng đầu Việt Nam (<i>Vietbuild 2008</i>)	2008	Bộ Xây dựng
10	02 Huy chương vàng tại Hội chợ Thương mại quốc tế EXPO'2008 dành cho 02 sản phẩm thép thanh và thép cuộn VIS	2008	Bộ Công Thương
11	1 cúp vàng, 02 Huy chương vàng tại Hội chợ Thương mại quốc tế Xây dựng & Vật liệu Xây dựng VICONSTRUCT'2008 dành cho 02 sản phẩm thép thanh và thép cuộn VIS	2008	Bộ Xây dựng

STT	Thành tích đạt được	Năm	Cơ quan
12	02 Huy chương vàng tại Hội chợ TMại quốc tế VIETBUILD'2008 dành cho 02 sản phẩm thép thanh và thép cuộn VIS	2008	Bộ Xây dựng
13	Bằng khen tặng “Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp tích cực vào sự phát triển của động đồng doanh nghiệp Việt nam”	2008	Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt nam
14	Cúp vàng thương hiệu hội nhập WTO	2007	Bộ Thương mại
15	TOP 20 thương hiệu uy tín do độc giả báo Thương mại và thương mại điện tử (E-tradenews) bình chọn	2005	UBQG về hợp tác Quốc tế và báo Thương Mại
16	Cúp vàng dành cho Doanh nghiệp tiêu biểu của Bộ xây dựng tại “Triển lãm 45 năm ngành Xây dựng Việt Nam 2003”	2003	Bộ Xây dựng
17	02 Huy chương vàng tại Hội chợ Thương mại quốc tế EXPO'2003 dành cho 02 sản phẩm thép thanh và thép cuộn VIS	2003	Bộ Thương mại
18	02 Giấy chứng nhận Nhân hiệu có Uy tín tại Việt Nam dành cho 02 sản phẩm thép thanh và thép cuộn VIS	2003	Bộ Khoa học và Công nghệ
19	02 Huy chương vàng thép cuộn và thép thanh VIS Triển lãm quốc tế vật liệu xây dựng và nội thất 2003	2003	Bộ Xây Dựng

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý)

7.7 Hoạt động Marketing

Thị trường tiêu thụ các sản phẩm thép của VIS bao gồm 2 mảng thị trường chính: (1) thị trường dân dụng; (2) thị trường là các dự án lớn. Sản lượng tiêu thụ thép cán hàng năm của VIS được phân đều cho mảng 2 thị trường này.

Đối với thị trường là các dự án lớn, VIS có lợi thế là một công ty thành viên trong Tập đoàn Sông Đà. Đặc điểm của các công trình do Tập đoàn Sông Đà làm tổng thầu hay làm chủ đầu tư đều là các công trình trọng điểm cấp quốc gia. Sản lượng tiêu thụ hàng năm của VIS trong nội bộ Tập đoàn Sông Đà chiếm khoảng 10% trên tổng sản lượng tiêu thụ của toàn Công ty. Dự kiến sản lượng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty sẽ tiếp tục tăng lên trong thời gian tới. Định hướng chiến lược phát triển của VIS là phát huy thế mạnh của Công ty trong thị trường dự án, triệt để khai thác thị trường các công trình nội bộ Tổng Công ty, đẩy mạnh và mở rộng thị trường dân dụng một cách vững chắc tiến tới chiếm lĩnh mảng thị trường này.

VIS đã thiết lập được hệ thống phân phối phong phú và rộng khắp, phù hợp với đặc điểm của từng thị trường tiêu thụ. Hiện nay, ngoài các chi nhánh, văn phòng đại diện tại Hà Nội, Sơn La, Đà Nẵng, được thành lập nhằm mục đích phục vụ các dự án lớn tại địa phương, VIS thực hiện phân phối sản phẩm qua 2 kênh bao gồm:

- Bán hàng trực tiếp: chủ yếu phục vụ bán hàng cho các dự án, các khách hàng thường xuyên mua hàng để phục vụ cho các dự án xây dựng của họ.
- Bán hàng thông qua hệ thống phân phối: bao gồm các nhà phân phối lớn (nhà phân phối cấp I) và các đại lý trên cả nước. Hệ thống phân phối này phục vụ đồng thời việc bán hàng cho các dự án cũng như bán cho thị trường dân dụng. Hiện nay, VIS đã thiết lập được hệ thống phân phối với 50 nhà phân phối và hơn 500 cửa hàng trên cả nước.

Bên cạnh việc xây dựng một hệ thống phân phối rộng khắp, VIS cũng đã xây dựng chiến lược xuất khẩu để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của toàn Công ty.

Công ty đặc biệt chú trọng tới công tác tiếp thị, hỗ trợ khách hàng. Công ty đã chủ động phối hợp cùng các nhà phân phối, chào hàng cung cấp đầy đủ thông tin về giá bán, sản phẩm tới các cửa hàng bán lẻ, nắm chắc và phản ứng kịp thời với tình hình biến động trên thị trường để có phương án giải quyết phù hợp. Công ty cũng thường xuyên tiếp xúc với các bạn hàng, hỗ trợ các nhà phân phối nhằm tổ chức mạng lưới bán hàng có hiệu quả.

Đối với chính sách giá, VIS luôn căn cứ vào sự biến động giá của thị trường và tùy từng thời điểm biến động để ban hành chính sách giá phù hợp, thuyết phục và có tính cạnh tranh trong thời điểm biến động để thu hút khách hàng. Công ty cũng ban hành cơ chế giá, chiết khấu và các phương thức hỗ trợ khác nhằm khuyến khích hơn nữa các nhà phân phối, các cửa hàng đại lý thép tăng sản lượng mua thép VIS.

VIS cũng đồng thời thực hiện các hoạt động quảng cáo, tài trợ, khuyến trương sản phẩm. Công ty đã tiến hành chuẩn hóa và hệ thống lại toàn bộ các ấn phẩm quảng cáo sản phẩm thép VIS trên các phương tiện thông tin đại chúng (*bảng, biểu ngoài trời; biển hiệu cửa hàng; catalogue; hồ sơ sản phẩm; website, eteket...*). Ngoài ra, VIS đã thực hiện tổ chức các hội nghị khách hàng quy mô vừa và nhỏ tại các vùng thị trường như Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa...

7.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Thương hiệu hình ảnh của VIS bao gồm:

- **Chữ viết tắt:** VIS
- **Logo:**



7.9 Các hợp đồng lớn phân phối trực tiếp đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

ST T	Đối tác	Sản phẩm	Khối lượng (tấn)	Giá trị thực hiện (VNĐ)
	Các Hợp đồng ký kết với Công ty cổ phần TM Thái Hưng trong năm 2011		149.200,933	2.342.961.488.724
1	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối số 02KD/2012-HĐPP ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 13.000 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm
	Các Hợp đồng ký kết với CT CP Xây dựng và Kinh doanh vật tư trong năm 2011		9.079,105	157.858.196.936
2	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối số 03KD/2012-HĐPP ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 500 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm
	Các Hợp đồng ký kết với CTCP Thép và VTCN Simco trong năm 2011		4.005,436	68.680.740.898
3	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối số 04KD/2012-HĐPP ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 500 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm
	Các Hợp đồng ký kết với CTCP Thép và VT Xây dựng trong năm 2011		2.831,957	49.768.470.422
4	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối trực tiếp số 06KD/2012-HĐPPTT ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 300 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm
	Các Hợp đồng ký kết với Công ty TNHH Hà Minh trong năm 2011		7.711,462	135.945.820.615
5	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối trực tiếp số 10KD/2012-HĐPPTT ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 500 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm

	Các Hợp đồng ký kết với Cty TNHH VT và TM Đức Hùng trong năm 2011		3.987,977	68.078.634.690
6	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối số 12KD/2012-HĐPP ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 400 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm
	Các Hợp đồng ký kết với Công ty CP TM Hiệp Hương trong năm 2011		2.814,676	49.212.047.500
7	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối trực tiếp số 18KD/2012-HĐPPTT ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 300 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm
	Các Hợp đồng ký kết với Công ty TNHH TM Minh Phương trong năm 2011		6.748,586	117.816.944.542
8	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối trực tiếp số 19KD/2012-HĐPPTT ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 400 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm
	Các Hợp đồng ký kết với Công ty CP Nhật Nam trong năm 2011		4.898,819	83.712.039.510
9	Hợp đồng tiêu biểu: Hợp đồng phân phối số 32KD/2012-HĐPP ký ngày 03/01/2012 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012	Thép VIS	Tối thiểu 300 tấn/tháng	Thỏa thuận theo từng thời điểm

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

Tổng hợp một số hợp đồng mua nguyên vật liệu

STT	Đối tác	Tổng giá trị các hợp đồng	Thời hạn hợp đồng
1	Công ty CP Luyện thép Sông Đà	789.500 triệu đồng	Đang thực hiện
2	Công ty TNHH Ngọc Quyền	44.225 triệu đồng	Đang thực hiện
3	Công ty R and K Trading	22.162.000 USD	Đã thực hiện xong
4	Stemcor	3.400.000 USD	Đã thực hiện xong
5	VA Intertrading	4.774.000 USD	Đã thực hiện xong

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

8. BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD TRONG NHỮNG NĂM GẦN NHẤT

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

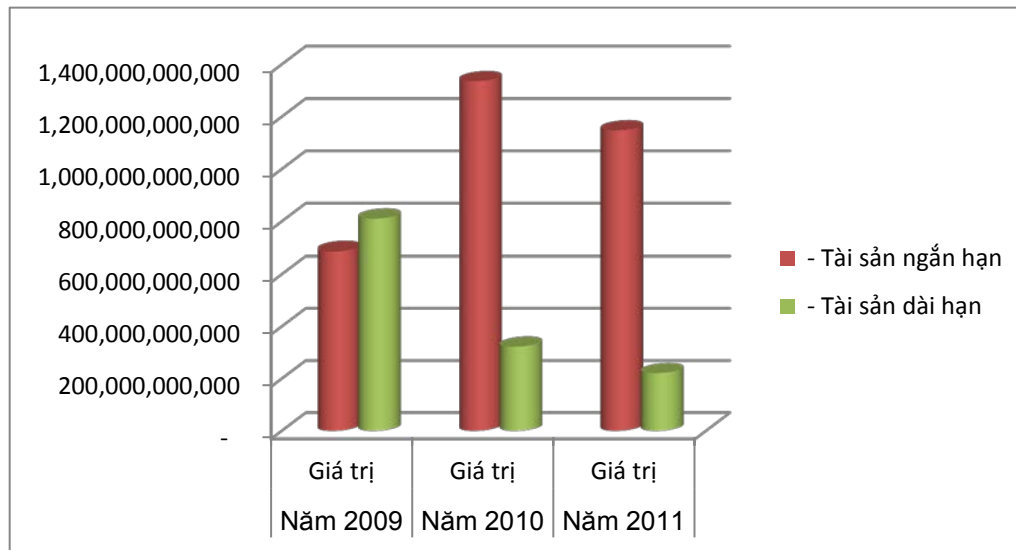
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 – 2011

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011		31/03/2012	
	Giá trị	%/2008	Giá trị	%/2009	Giá trị	%/2010	Giá trị	%/2011
- Tài sản ngắn hạn	687.168.144.821	99,94	1.335.467.535.482	194,34	1.097.308.745.297	82,17	965.915.215.982	88,03
- Tài sản dài hạn	810.349.578.655	242,03	322.387.316.126	39,78	221.144.391.288	68,60	190.831.629.810	86,29
Doanh thu thuần BH và CCDV	2.068.130.438.746	121,00	3.084.162.945.387	149,13	3.914.632.221.570	126,93	929.283.474.560	23,74
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	255.144.146.554	177,04	143.095.306.631	56,08	33.902.074.485	23,69	12.473.854.763	36,79
Lợi nhuận khác	5.040.020.485	67,98	2.362.612.695	46,88	1.438.036.939	60,87	4.545.455	0,32
Lợi nhuận trước thuế	260.184.167.039	171,70	145.457.919.326	55,91	35.340.111.424	24,30	12.478.400.218	35,31
Lợi nhuận sau thuế	225.424.626.297	171,80	110.415.394.363	48,98	27.213.452.633	24,65	9.334.150.191	34,30
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.028		4.005		907		311	

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2009-2011 và và BCTC 31/03/2012 của VIS)

Cơ cấu tài sản



Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của VIS

Năm 2009, giá trị tài sản dài hạn của VIS lớn hơn tài sản ngắn hạn do năm 2009 công ty đầu tư vào nhà máy luyện thép Hải Phòng dẫn tới chi phí xây dựng cơ bản lớn. Tuy nhiên, xét về cơ cấu tài sản của VIS, tài sản ngắn hạn luôn chiếm ưu thế so với tài sản dài hạn, vì đặc thù sản xuất của Công ty cần sử dụng nhiều tài sản ngắn hạn (như hàng tồn kho, các khoản phải thu...)

Doanh thu của công ty vẫn tăng trưởng qua các năm, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế lại giảm đáng

kể do tình hình thị trường khó khăn. Cũng theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty cũng giảm mạnh, đặc biệt trong năm 2011.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Những nhân tố thuận lợi

Yếu tố khách quan




Năm 2011 một loạt các dự án lớn có quy mô quốc gia đã được triển khai: Đường trên cao vành đai 3, Đường cao tốc Hà nội – Hải Phòng, đường cao tốc Hà nội – Thái Nguyên, đường cao tốc Hà nội – Lào cai. Do đặc thù là ngành không chịu ảnh hưởng như mảng Xây dựng dân dụng, các dự án giao thông đều có tốc độ triển khai nhanh, nhu cầu sử dụng thép lớn và đều đặn đây cũng là thị trường hấp dẫn và mong muốn của nhiều Doanh nghiệp thép.

Yếu tố chủ quan

Bộ máy lãnh đạo của doanh nghiệp đã chủ động đề ra các biện pháp hạn chế rủi ro biến động của nguyên vật liệu đầu vào (*đặc biệt là phôi thép*) và các biện pháp quản lý chất lượng trong quá trình sản xuất để giảm thiểu chi phí phát sinh. Từ đó, Công ty có thể nâng cao được tỷ suất lợi nhuận và hiệu quả sinh lời.

Những nhân tố khó khăn

Yếu tố khách quan

-  Do nền kinh tế thế giới cũng như trong nước đang khủng hoảng nặng nề, các dự án lớn phải thi công rất chậm, thậm chí dừng thi công nên lượng tiêu thụ thép bị giảm rõ rệt.
-  Một số Nhà máy mới đi vào hoạt động tạo áp lực về nguồn cung trên thị trường trong khi sức cầu hạn chế làm tăng tính cạnh tranh của thị trường thép. Trong thời gian gần đây có rất nhiều nhà thầu từ phía Nam ra Bắc thi công như: Cotexcons, Cofico, Hòa Bình, Tung Feng... Họ đang có sự so sánh giữa giá thép miền Bắc và giá thép miền Nam. Đây là cơ hội và cũng là thách thức đối với các nhà máy thép miền Bắc bởi ngoài thị trường miền bắc đã có thêm 03 nhà máy mới Shengli, VGS, Dây chuyền 2 của Hòa phát đã đi vào hoạt động ổn định sẽ tạo ra cuộc cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà máy thép.
-  Sự mất giá của đồng VND so với USD trong thời gian vừa qua cũng làm tăng chi phí nhập khẩu phôi thép, từ đó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của VIS.

Yếu tố chủ quan

Hiện nguyên vật liệu đầu vào là phôi thép của Công ty phụ thuộc một phần vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài, chịu ảnh hưởng kép của biến động giá phôi thép thế giới và biến động tỷ giá, gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VIS. Tuy nhiên, việc sáp nhập công ty luyện thép Sông Đà sẽ giúp doanh nghiệp chủ động được nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

9. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

9.1. Triển vọng ngành thép

Do tình hình kinh tế vĩ mô vẫn chưa có dấu hiệu thuận lợi cho ngành thép, nên các doanh nghiệp thép sẽ tiếp tục đối diện với những khó khăn, thách thức gay gắt trong năm 2012.

Trong năm 2011, chính sách hạn chế đầu tư công, thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát đã làm giảm mạnh nhu cầu tiêu thụ thép. Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng trong năm 2011 ước tính đạt 12%, tương ứng 75% so với kế hoạch là 16%. Trong năm 2012, mục tiêu tăng trưởng tín dụng sẽ ở mức 15%-17%, đồng thời chính phủ vẫn tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát, cắt giảm đầu tư công... Do đó, ngành thép sẽ tiếp tục đối diện với những khó khăn, thách thức gay gắt xuất phát từ hệ quả của chính sách thắt chặt này. Ngoài ra, Việt Nam vẫn còn phải nhập khẩu 70%-80% thép phế liệu, gần 40% phôi thép, 100% thép cuộn cán nóng... nên những biến động về giá thép trên thế giới sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến ngành thép Việt Nam. Việc tăng và giảm giá thép thành phẩm tại thị trường Việt Nam vẫn còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố giá nguyên liệu thép của thế giới.

Trong năm 2012, tăng trưởng ngành thép được dự báo sẽ ở mức 4%, thấp hơn nhiều so với các năm trước, với tổng nguồn cung thép xây dựng ước đạt 6,8 - 6,9 triệu tấn, trong đó sản xuất trong nước đạt khoảng 6,2 - 6,3 triệu tấn. Trong khi đó, các doanh nghiệp thép sẽ đối diện với 3 thách thức lớn như sau:

- Lãi suất cho vay có khả năng vẫn ở mức cao, trong khi đặc thù kinh doanh của ngành thép là phải sử dụng vốn vay lớn nên chi phí lãi vay sẽ vẫn còn là gánh nặng cho các doanh nghiệp thép khi nó tiếp tục bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Chống lạm phát vẫn là trọng tâm trong việc điều hành kinh tế vĩ mô của chính phủ trong năm 2012, tức là tín dụng cho lĩnh vực bất động sản tiếp tục bị thắt chặt, điều này đồng nghĩa với thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng trong năm 2012, đầu tư công tiếp tục được duy trì ở mức thấp, nên nhu cầu tiêu thụ thép sẽ giảm, đặt các doanh nghiệp thép vào tình thế cạnh tranh gay gắt hơn. Trong cuộc cạnh tranh này, doanh nghiệp nào có công nghệ tiên tiến, chủ động được nguồn nguyên liệu, quản trị tốt, thị phần lớn và hệ thống phân phối mạnh sẽ tồn tại, còn những doanh nghiệp có công nghệ lạc hậu, công suất thấp, thị phần nhỏ có khả năng sẽ ngừng sản xuất.
- Trong các doanh nghiệp thép hiện nay, chỉ có khoảng 20% doanh nghiệp có công nghệ sản xuất hiện đại, như POSCO Việt Nam, Thép Phú Mỹ, Pomina, Việt Ý, Thép Thái Nguyên, Hòa Phát..., còn lại ở mức trung bình và lạc hậu nên hao tốn nhiều năng lượng và nguyên liệu, do đó chịu chi phí sản xuất rất lớn. Trong năm 2012, khi giá điện, nước, xăng dầu... tăng thì hàng loạt doanh nghiệp thép có công nghệ lạc hậu sẽ cực kỳ khó khăn.

Trong năm 2012, những doanh nghiệp thép có vốn đầu tư thấp, công suất nhỏ, công nghệ lạc hậu, hao tốn nhiều năng lượng và nguyên liệu, chất lượng sản phẩm không tốt... sẽ phải ngừng sản xuất. Đây chính là cơ hội để tái cấu trúc ngành thép theo hướng phát triển bền vững

Các công ty thép phát triển tràn lan, không theo quy hoạch gây nên tình trạng mất cân đối trầm trọng. Các sản phẩm thép như thép xây dựng, thép ống, thép mạ kim loại và sơn phủ màu... được

đầu tư quá mức, vượt xa nhu cầu, trong khi nhiều sản phẩm thép khác như thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép không gỉ, thép chế tạo... không được chú ý đầu tư. Mỗi năm Việt Nam phải nhập trên 5 triệu tấn nguyên liệu và các sản phẩm thép trong nước chưa sản xuất được với giá trị lên tới xấp xỉ 7 tỷ USD, trong khi năm 2010 Việt Nam chỉ mới xuất khẩu được 1,3 triệu tấn thép, trị giá 1,3 tỷ USD.

Mất cân đối cung cầu nghiêm trọng đã đẩy các doanh nghiệp thép vào thế cạnh tranh gay gắt, chưa kể phải đối mặt với thép nhập khẩu từ các nước trong khu vực. Theo cam kết gia nhập khu vực mậu dịch tự do trong khuôn khổ hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT/AFTA), từ năm 2015 trở đi, thuế suất nhập khẩu thép là 0%, khi đó mức độ cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn. Do đó, để các doanh nghiệp thép tồn tại và phát triển trong điều kiện hội nhập, ngành thép sẽ phải cơ cấu lại. Những doanh nghiệp thép có vốn đầu tư thấp, công suất nhỏ, công nghệ lạc hậu, hao tổn nhiều năng lượng và nguyên liệu, chất lượng sản phẩm không tốt... sẽ phải ngừng sản xuất. Các doanh nghiệp thép khác phải cơ cấu lại bằng cải tiến công nghệ, hoàn thiện quản lý và tổ chức sản xuất để có sản phẩm tốt, giá cạnh tranh... Xu hướng bán lại nhà máy hoặc đóng cửa nhà máy sẽ diễn ra trong thời gian tới bởi những doanh nghiệp không tồn tại được sẽ phải tự phá sản hay sáp nhập...

9.2. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành

Vị thế về thương hiệu:

Gần một thập kỷ có mặt trên thị trường, thép Việt Ý đã khẳng định được thương hiệu của mình là một trong những thương hiệu mạnh và được sử dụng ở rất nhiều công trình lớn, và các công trình trọng điểm quốc gia như: Thủy điện Sơn La, Thủy điện Nậm Chiến, Thủy điện Sekaman3, Cầu Thanh Trì, Cầu Vĩnh Tuy, Trung tâm Hội nghị Quốc gia, nút giao thông Kim Liên - Ô Chợ Dừa, dự án Bắc Ninh - Nội Bài, dự án Sài Gòn - Trung Lương, nhà máy Honda, dự án khu chung cư cao cấp Trung Hòa Nhân Chính...

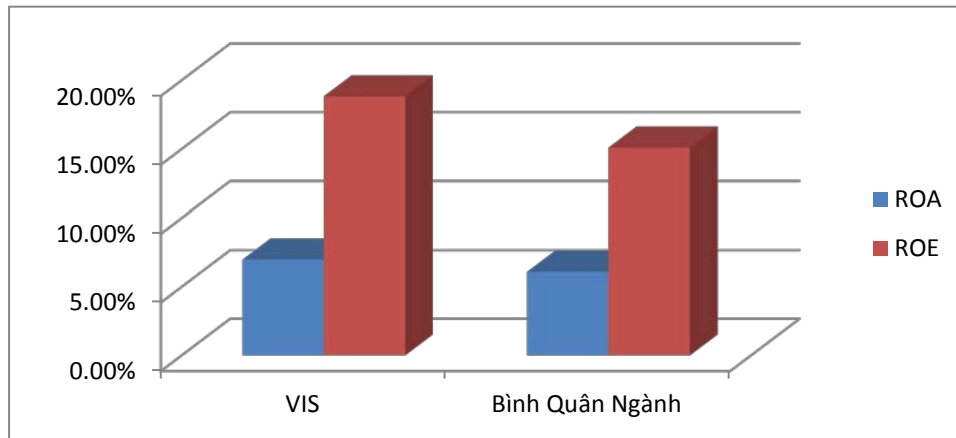
Vị thế về công nghệ:

Công ty đã áp dụng công nghệ sản xuất thép tiên tiến hàng đầu của thế giới, được nhập khẩu, lắp đặt và chuyển giao công nghệ toàn bộ bởi hãng Danieli (Ý). Đây là một hãng hàng đầu thế giới về sản xuất các loại dây chuyền luyện và cán thép. Nhờ vậy, VIS đã trở thành một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc áp dụng công nghệ hiện đại, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh.

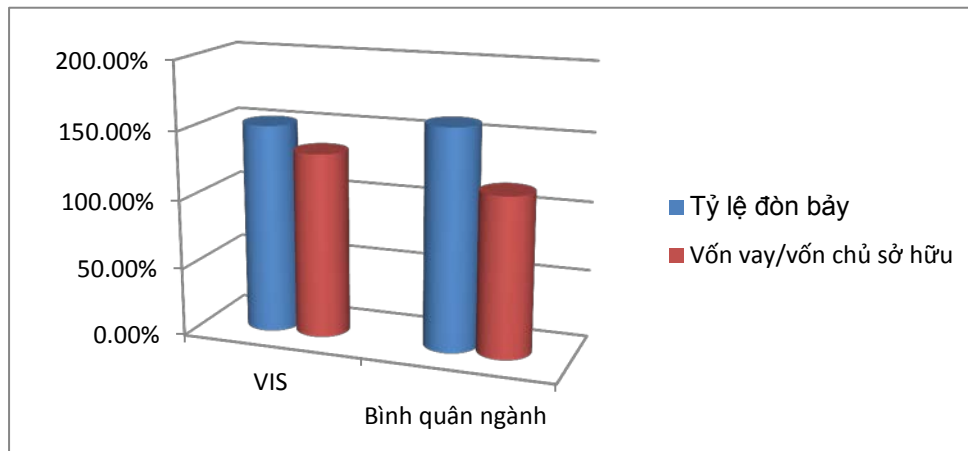
Vị thế về đội ngũ cán bộ và trình độ quản lý:

Yếu tố con người luôn được VIS đặt lên hàng đầu. Với đội ngũ cán bộ, kỹ sư, chuyên gia, công nhân viên có trình độ chuyên môn, kiến thức chuyên sâu, giàu kinh nghiệm trong đó nhiều người đã được đào tạo ở nước ngoài, công nhân tay nghề cao, đến nay VIS không những đã rất linh hoạt trong việc xử lý các biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào, quản lý chất lượng sản xuất chặt chẽ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, mà còn chủ động tìm kiếm các đối tác mua mới cũng như tận dụng tốt mạng lưới phân phối sản phẩm hiện tại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng.

9.3. So sánh các chỉ tiêu tài chính với các doanh nghiệp cùng ngành tại ngày 31/12/2011



Các chỉ số sinh lời của của VIS cao hơn so với các đơn vị cùng ngành.



9.4. Phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức)

Bảng 1. Phân tích SWOT của Công ty

Thế mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm: đa dạng, có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, được khách hàng tin nhiệm. - Nguồn nhân lực: Đội ngũ cán bộ Công ty có trình độ chuyên môn và giàu kinh nghiệm. - Kiểm soát tốt các biến động giá của nguyên vật liệu đầu vào: Do nắm vững về quy luật thị trường kết hợp với kỹ thuật phân tích và khả năng phán đoán của lãnh đạo Công ty, áp dụng triệt để các quy tắc trong quản trị rủi ro, Công ty luôn chủ động làm chủ thông tin thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Phôi thép chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm và phần lớn được nhập khẩu từ nước ngoài nên việc giá phôi thép trên thị trường thế giới biến động sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Thế mạnh	Điểm yếu
<p>trường phái thép thế giới, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Nam Phi, Mỹ...cân đối lượng hàng nguyên liệu đầu vào, nhu cầu thị trường, tính toán kỹ đến những rủi ro và hạn chế khi thị trường thế giới biến động, các gói kích cầu của chính phủ phát huy tác dụng để lên kế hoạch mua và dự trữ nguyên liệu đầu vào cũng như lượng thành phẩm ở mức an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ: dây chuyền cán thép của Công ty được nhập khẩu, lắp đặt và chuyển giao công nghệ toàn bộ bởi hãng Danieli (Ý). Đây là một hãng hàng đầu thế giới về sản xuất các loại dây chuyền luyện và cán thép. - Mạng lưới phân phối: linh hoạt và hiệu quả qua 3 kênh: bán hàng trực tiếp tới các công trình, qua nhà phân phối và hình thức đại lý ký gửi. - Chiến lược Marketing: hiệu quả với các chính sách bán hàng, chính sách giá linh hoạt và phù hợp. - Hỗ trợ từ phía Tập đoàn Sông Đà: Công ty nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía Tổng Công ty về vốn, công nghệ và có cơ hội cung cấp sản phẩm cho nhiều dự án, công trình xây dựng lớn trong cả nước. - Nguồn lực tài chính: có quan hệ tốt với Tổng Công ty và các Tổ chức tín dụng có uy tín như: Vietcombank, Viettinbank, Techcombank... 	
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển với nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng rất lớn. Do vậy, cầu về nguyên vật liệu xây dựng đặc biệt là thép có xu hướng tăng cao. - Việt Nam sắp gia nhập WTO sẽ tạo ra những làn sóng đầu tư vào Việt Nam, sẽ có nhiều dự án đầu tư xây dựng được triển khai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ cạnh tranh về chất lượng mẫu mã và giá cả giữa các công ty sản xuất thép cán trong nước đang diễn ra ngày càng gay gắt. - Tình trạng thép Trung Quốc giá rẻ đang tràn vào Việt Nam khiến các công ty sản xuất thép trong nước phải lao đao.

10. LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

10.1. Tình hình lao động (tính đến thời điểm 31/12/2011)

Tổng số lao động của VIS tính đến thời điểm 31/12/2011 là 426 người.

10.2. Trình độ lao động

Trình độ lao động của VIS tại thời điểm 31/12/2011

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học và trên Đại học	109	26,00%
Cao đẳng	06	0,14%
Trung cấp	09	0,20%
Sơ cấp, cán sự/ Công nhân kỹ thuật / Lao động phổ thông	302	70,00%
TỔNG	426	100,00%

(Nguồn: Công ty Cổ phần thép Việt Ý)

10.3. Chính sách đối với người lao động

✚ Chính sách tiền lương

- Trên cơ sở các quy định của Chính phủ về tiền lương, Công ty xây dựng Quy chế trả lương với mục đích đảm bảo mức thu nhập bình quân của mỗi CBCNV ổn định và không hạn chế mức thu nhập hợp pháp của người lao động. Năm 2011 thu nhập bình quân của người lao động trong toàn công ty là hơn 9.000.000 đồng/người
- Công ty thực hiện khoán lương theo sản phẩm đến người lao động. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xây dựng phươn án khoán lương, dựa trên các chỉ tiêu chủ yếu sau:
- Mức tiêu hao điện năng, mức tiêu hao kim loại, vật tư, thiết bị phụ tùng thay thế, sửa chữa trên 1 tấn sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn.
- Sản lượng bán hàng, thu hồi công nợ hàng tháng.
- Chỉ tiêu lợi nhuận hàng tháng.
- Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định các chế độ cho người lao động về BHXH, BHYT, chế độ nghỉ dưỡng sức, tham quan du lịch...

✚ Chính sách tiền thưởng

- Tiền thưởng được ghi trong các Hợp đồng giao khoán giữa Tổng Giám đốc với các đơn vị nhận khoán. Khi giá trị tăng lên so với mức khoán, người lao động được hưởng 100% giá trị vật tư tiết

kiệm

- Thực hiện thường trực tiếp đối với các công việc có kết quả xác định cụ thể.
- Đối với CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc trợ cấp một phần kinh phí để khắc phục khó khăn trong cuộc sống.

Chính sách đào tạo

- Xây dựng chế độ đãi ngộ, khuyến khích cho CBCNV được cử đi đào tạo hoặc thực hiện đào tạo tại chỗ.
- Đào tạo lại đội ngũ cán bộ đặc biệt là các cán bộ chủ chốt và cán bộ kế cận về kiến thức quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ, lý luận chính trị phù hợp với mô hình công ty cổ phần. Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp học và các chương trình như:
 - Nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật.
 - Đào tạo về an toàn lao động.
 - Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, kỹ sư, nhân viên: học tập trung tại Công ty hoặc gửi đến các cơ sở đào tạo của Bộ, Ngành, các Trường Đại học trong cả nước. Bao gồm các ngành: Ngoại ngữ, tin học, luyện kim, cơ khí, điện, quản trị kinh doanh, quản lý doanh nghiệp.
- Thường xuyên đánh giá chất lượng CBCNV để bố trí phù hợp với công việc theo năng lực và cấp bậc công việc.
- Có chế độ đãi ngộ xứng đáng để thu hút và giữ đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân có tay nghề cao.
- Người lao động làm việc tại Công ty, nếu có đủ năng lực phẩm chất sẽ được đề bạt và giao nhiệm vụ trong các vị trí như: Phó Tổng Giám đốc Công ty, Trưởng phòng, Phó phòng, Quản đốc, Phó Quản đốc...

11. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Chính sách phân phối cổ tức do HĐQT Công ty đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Cụ thể, VIS chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định. Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Quý, 6 tháng, 9 tháng, v.v... nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

12. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản**12.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định**

VIS thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

12.1.2. Mức lương bình quân (VIS)

Tài sản	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Tổng chi phí lương và thưởng	34.663.999.259	54.912.000.000	48.608.257.213
Các khoản khác trả cho người lao động	-	-	-
Tổng cộng	34.663.999.259	54.912.000.000	48.608.257.213
Thu nhập bình quân/người/tháng	7.718.548	11.013.237	9.497.510

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý)

12.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

VIS luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

12.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

VIS luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo qui định của pháp luật.

12.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của Công ty được thực hiện căn cứ theo:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của ĐHCĐ.

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế, phí khác theo quy định của Nhà nước.

12.1.6. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2011, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

- Vay ngắn hạn: 704.196.738.260 đồng
- Vay dài hạn: 0 đồng

12.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu giai đoạn 2009-2011

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2009		31/12/2010		31/12/2011		31/03/2012	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu khách hàng	114.322	-	80.416	-	276.400	-	342.700	-
Trả trước cho người bán	21.497	-	21.587	-	14.672	-	30.016	-
Các khoản phải thu khác	44.436	-	2.097	-	4.065	-	148	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-9.643	-	-13.644	-	-12.644	-	-12,644	-
Tổng cộng	170.612	-	91.091	-	282.493	-	360.220	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009- 2011 và BCTC 31/03/2012 của VIS)

Các khoản phải trả giai đoạn 2009-2011

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2009		31/12/2010		31/12/2011		31/03/2012	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	519.217	-	1.071.169	-	793.784	-	662.744	-
Vay ngắn hạn	327.884	-	528.736	-	704.197	-	178.687	-
Phải trả người bán	56.725	-	465.172	-	52.523	-	419.050	-
Người mua trả tiền trước	1.763	-	11.359	-	1.213	-	1.424	-
Thuế và các khoản phải nộp NN	8.658	-	30.004	-	1.372	-	995	-
Phải trả người lao động	6.611	-	7.505	-	6.939	-	5.324	-
Chi phí phải trả	75.171	-	5.873	-	7.463	-	8.535	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	37.908	-	3.938	-	3.552	-	33.459	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	967	-	-	-	-	-	-	-

Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.528	-	18.583	-	16.524	-	15.271	-
Nợ dài hạn	542.856	-	5.284	-	1.054	-	1.054	-
Vay và nợ dài hạn	542.330	-	4.496	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	525	-	788	-	1.054	-	1.054	-
Tổng cộng	1.062.072	-	1.076.454	-	794.838	-	663.798	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009- 2011 và BCTC 31/03/2012 của VIS)

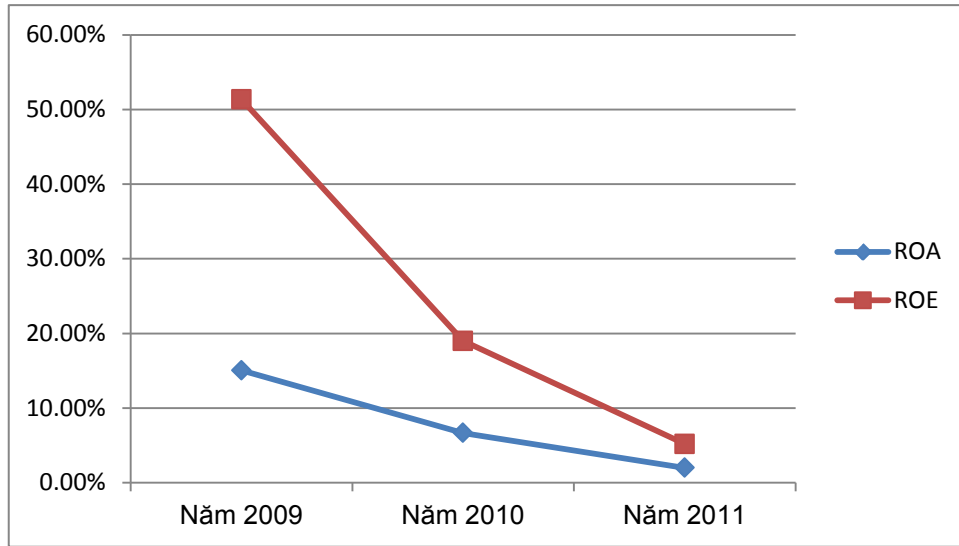
12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của VIS giai đoạn 2009 - 2011

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	31/03/2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,45	1,25	1,38	1,46
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,75	0,44	0,94	0,77
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,71	0,65	0,60	0,57
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,50	1,85	1,52	1,35
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)				
Vòng quay Hàng tồn kho: (Giá Vốn Hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	5,41	4,82	6,03	2,00
Vòng quay Tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,46	1,86	2,97	0,80
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,08	3,57	0,69	1,00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	51,77	18,99	5,20	1,89
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	15,05	6,66	2,06	0,81
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	12,34	4,64	0,87	1,33

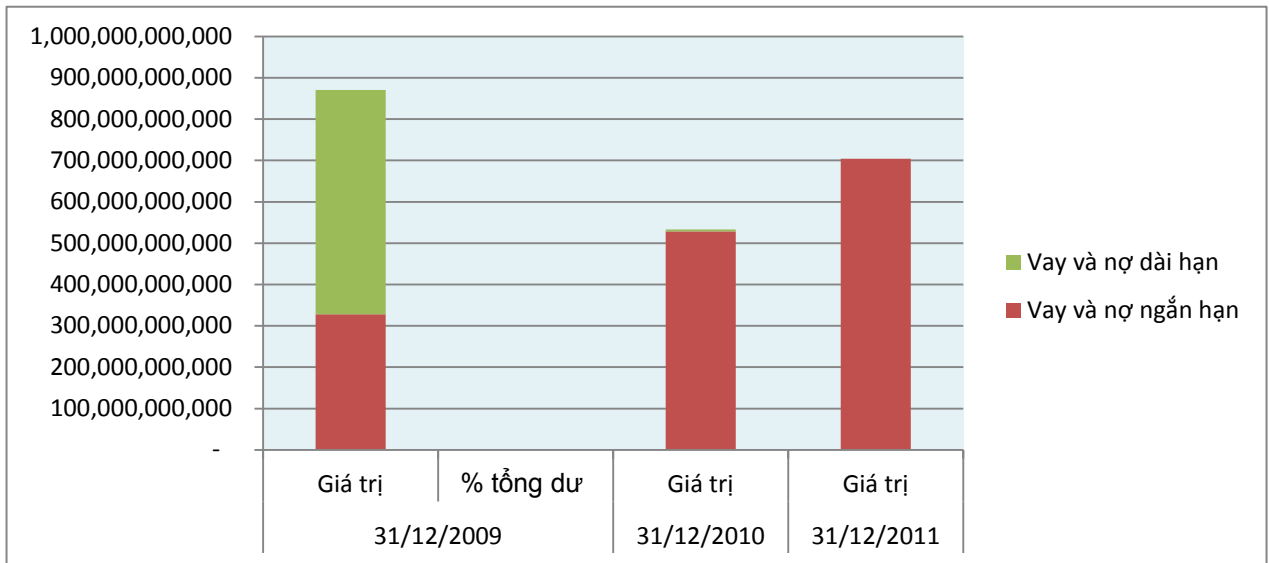
(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009- 2011 và BCTC 31/03/2012 của VIS)

Về khả năng sinh lời của VIS

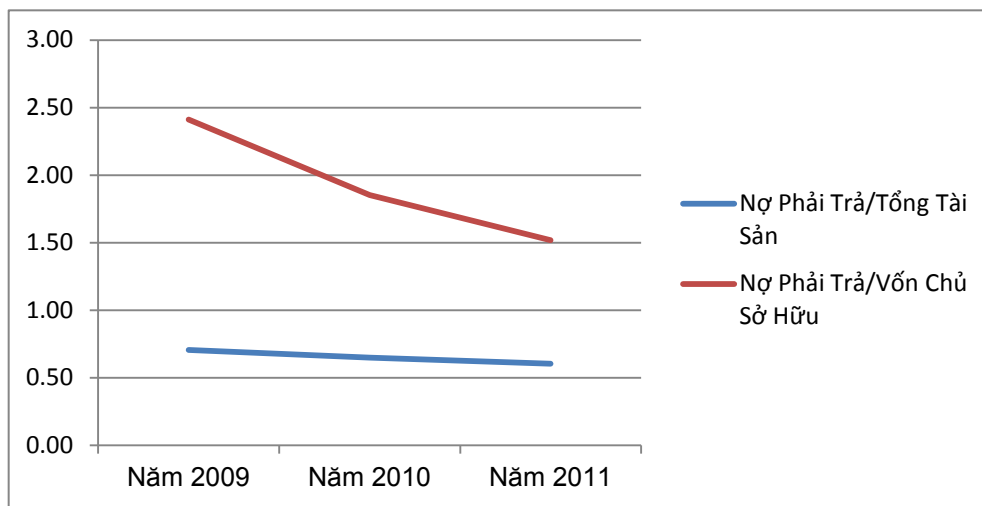
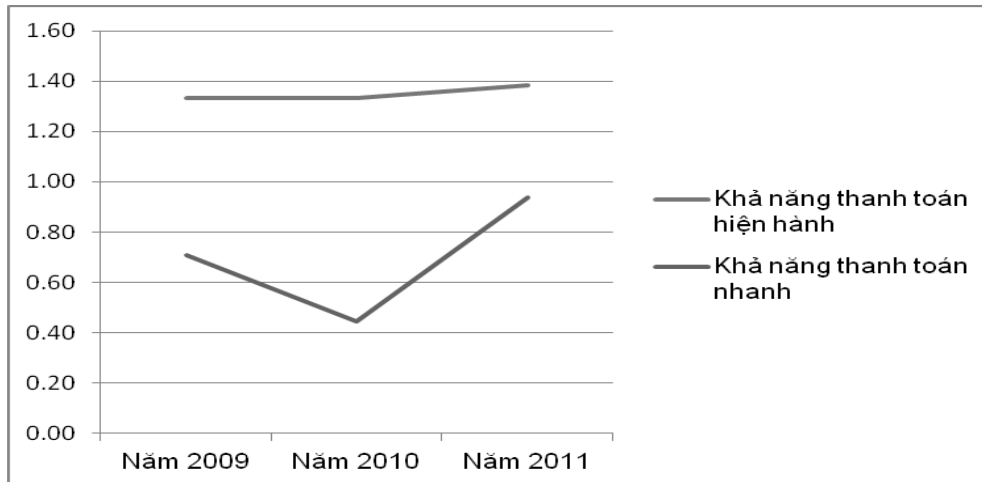


Khả năng sinh lời của VIS giảm mạnh so với 2009. Việc giảm mạnh khả năng sinh lời do thị trường gặp khó khăn chung. Tuy khả năng sinh lời giảm nhưng công ty vẫn có lãi trong khi nhiều doanh nghiệp cùng ngành đang phải chịu lỗ nặng.

Cơ cấu vốn và tài sản của VIS



Do đặc tính đặc thù nên các khoản vay của VIS chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn. Đến thời điểm 31/12/2011 các khoản vay dài hạn của công ty là 0 VND.



Cơ cấu nguồn vốn của VIS tương đối nghiêng về việc sử dụng nợ vay để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tỷ lệ nợ/ VCSH và Nợ/Tổng nguồn vốn ở mức tương đối cao nên khi biến động lãi suất có chiều hướng tăng cao sẽ phát sinh chi phí lãi vay lớn. Chính vì vậy từ năm 2009, việc sử dụng đòn bẩy tài chính của công ty giảm đáng kể để tiết kiệm chi phí và năm 2011 khả năng thanh toán hiện hành cũng như khả năng thanh toán nhanh của VIS được cải thiện đáng kể.

Việc cải thiện về cơ cấu vốn và tài sản của VIS giúp công ty giảm thiểu chi phí và rủi ro trong thời kì khó khăn hiện tại.

12.3 Thông tin về những điểm lưu ý và ngoại trừ trên BCTC kiểm toán năm 2011

- Không có

13. SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

13.1. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt Ý

1. Ông Trần Văn Thạnh - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trần Văn Thạnh**
Giới tính: **Nam**
Ngày tháng năm sinh: **11/06/1966**
Số CMND: **012166207; Ngày cấp: 19/10/2010; Nơi cấp: Công an TP Hà Nội**
Nơi sinh: **Hung Yên**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Dân tộc: **Kinh**
Quê quán: **Lý Nhân - Hà Nam**
Địa chỉ thường trú: **102 Nguyễn Khuyến - Đống Đa - Hà Nội**
Số điện thoại liên lạc: **0903418091**
Trình độ văn hoá: **10/10**
Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ quản trị kinh doanh**

Quá trình công tác:

- 1987 – 1989 Bộ đội nghĩa vụ đóng tại Sơn Tây - Hà Nội
- 1990 – 2001 Phòng kinh doanh vật tư - Xí nghiệp Sông Đà 12.1
- 1991 – 1996 Học tại chức tại trường đại học Kinh tế Quốc Dân
- 2001 – 2002 Trưởng phòng thị trường Công ty Sông Đà 12
- 2002 – 2003 Học lớp ngoại ngữ do TCT Sông Đà tổ chức
- 2003 – 2007 Phó Tổng giám đốc kinh doanh - Công ty CP thép Việt Ý
- 8/2007 đến nay Tổng giám đốc Công ty CP thép Việt Ý
- 8/2007 -3/2010 Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- 3/2010 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: **Tổng Giám Đốc**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**

Số cổ phiếu đang nắm giữ: **6.304.960 cổ phần**

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: **4.900 cổ phần**
- Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: **6.300.000 cổ phần.**

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: **0 cổ phần**

Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*): Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

2. Ông Trần Quang Đường - Chức vụ: Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Quang Đường**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/10/1956

Số CMND: 090092082 cấp ngày 01/05/1997

Nơi sinh: Đức Thanh – Đức Thọ - Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đức Thanh – Đức Thọ - Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Số 102, Ngõ 149 – Hồ Tùng Mậu – Từ Liêm – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913515271

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác:

- Từ năm 1974-2001: Làm Cán bộ kỹ thuật, Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Nhà máy Luyện thép Lưu Xá- Công ty Gang thép Thái Nguyên
- Từ năm 2002 – T11/2011: Làm phó phòng sản xuất, Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư, Giám đốc Ban QLDA, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Từ T11/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty CP luyện thép Sông Đà

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 3.001.530 cổ phần

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.530 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 3.000.000 cổ phần.

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*): Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

3. Ông Nguyễn Ngọc Thịnh - Chức vụ: Ủy viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Thịnh**
Giới tính: **Nam**
Ngày tháng năm sinh: **22/05/1955**
Số CMND: **011905592; Ngày cấp: 29/11/2010 ; Nơi cấp: Công an TP Hà Nội**
Nơi sinh: **Hà Nội**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Dân tộc: **Kinh**
Quê quán: **Phú Xuyên - Hà Nội**
Địa chỉ thường trú: **85 Đội Cấn – Ba Đình - Hà Nội**
Số điện thoại liên lạc: **0903450695**
Trình độ văn hoá: **10/10**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ QTKD**

Quá trình công tác:

- 1980 – 1986 Công ty thi công cơ giới – TCT Sông Đà
- 1986 – 1989 Phó phòng kế hoạch - Công ty xây dựng công trình ngầm
- 1989 – 1997 Trưởng phòng kế hoạch, giám đốc xí nghiệp, PGĐ Công ty Sông Đà 4
- 1997 – 2003 Trưởng phòng thị trường Tổng Công ty Sông Đà
- 2003 – 2006 Giám đốc công ty, chủ tịch hội đồng thành viên Công ty Sông Đà 4
- 2006 - T3/2010 Trưởng phòng đầu tư - TCT Sông Đà
- T3/2010 đến nay Giám đốc Ban Đầu tư – Tập đoàn Sông Đà
- T9/2006 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc ban Đầu tư – Tập đoàn Sông Đà

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 3.000.000 cổ phần

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 3.000.000 cổ phần.

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

4. Ông Trần Ngọc Anh - Chức vụ: Ủy viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Ngọc Anh**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 05/10/1973
Số CMND: 013329950;
Ngày cấp: 24/08/2010; Nơi cấp: Công an Tp. Hải Phòng
Nơi sinh: Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Tân Châu – Châu Đốc - An Giang
Địa chỉ thường trú: 254B - Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 0913348788
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1990 – 1994 Sinh viên trường Đại học Thương mại Hà Nội
- 1994 – 1998 Cán bộ kinh doanh Công ty sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên
- 1997 – 1998 Chuyên viên phòng kinh tế kế hoạch - Công ty Sông Đà 12
- 1998 – 2002 Phòng kế hoạch - đoạn quản lý đường sông 3 - Cục đ ường Sông VN
- 2002 – 2004 Nhân viên phòng kinh doanh - Công ty CP thép Việt Ý
- 2004 – T 5/2008 Phó phòng kinh doanh Công ty CP thép Việt Ý
- T6/2008 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP thép Việt Ý
- T3/2009 đến nay Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 3.000.000 cổ phần

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 3.000.000 cổ phần.

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

5. Ông Nguyễn Hoàng Ngân - Chức vụ: Ủy viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Ngân**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 22/10/1973
Số CMND: 012282232; Cấp ngày : 07/04/2005; Nơi cấp: Công an Hà Nội
Nơi sinh: Yên Bình - Yên Bái
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Thạch Long - Thạch Hà – Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú: Phòng 107 G9 Thanh Xuân Nam – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 03213.942315
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- 1987 – 1990 Học phổ thông trung học tại thị xã Hoà Bình
- 1993 – 1997 Học đại học Tài chính Kế toán
- 10/1997 – 2/2006 Làm kế toán viên, trưởng ban TCKT các xí nghiệp Sông đà 807, 809, 801 thuộc công ty Sông đà 8
- 3/2006 – 12/2006 Phó kế toán trưởng Công ty CP đầu tư phát triển Sông đà
- 1/2007 – 2/2008 Kế toán trưởng công ty CP đầu tư phát triển Sông đà tại 121 Kỳ Đồng – P9 - Quận 3 – TP. Hồ Chí Minh
- 3/2008 – 5/2008 Phó kế toán trưởng Công ty CP thép Việt Ý
- 6/2008 đến nay Kế toán trưởng Công ty CP thép Việt Ý
- 24/02/2012 đến nay Thành viên HĐQT Công ty CP thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: **Kế Toán Trưởng**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần.
- Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

13.2. Thành viên Ban Giám Đốc

1. Ông Trần Văn Thạnh - Chức vụ: Tổng Giám đốc

(như Sơ yếu lý lịch trong phần 13.1 nêu trên)

2. Ông Ngô Xuân Toàn - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Ngô Xuân Toàn**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **01/06/1958**

Số CMND: **013067997; Ngày cấp: 18/04/2008; Nơi cấp: Công an TP Hà Nội**

Nơi sinh: **Yên Thành - Nghệ An**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**

Quê quán: **Yên Thành - Nghệ An**

Địa chỉ thường trú: **P 916 CT4B X2 Linh Đàm - Hoàng Mai - Hà Nội Hà Nội**

Số điện thoại liên lạc: **0912033296**

Trình độ văn hoá: **10/10**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư**

Quá trình công tác:

- 2/1980 - 10/1980 Công tác tại nhà máy cán thép Lưu xá
- 10/1980 - 12/1986 Tu nghiệp sinh và làm việc VEB Walzwerk Đức
- 1/1987 - 4/1993 Cán bộ kỹ thuật nhà máy cán thép Lưu xá
- 4/1993 - 12/1997 Trưởng ca cán thép nhà máy cán thép Lưu xá
- 12/1997 - 12/1998 Chuyên viên phòng kế hoạch vật tư nhà máy cán thép Lưu xá
- 12/1999 - 4/2001 Trưởng phòng kế hoạch vật tư nhà máy cán thép Lưu xá
- 5/2001 - 2/2002 Chuyên viên ban quản lý dự án thép Sông Đà – Công ty Sông Đà 12
- 2/2002 - 1/2004 Phó giám đốc nhà máy thép Việt Ý
- 2/2004 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: **Phó Tổng Giám Đốc**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**

Số cổ phiếu đang nắm giữ: **0 cổ phần**

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**
- Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: **0 cổ phần.**

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật (<i>nếu có</i>):	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có

3. Ông Phạm Mạnh Cường - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Phạm Mạnh Cường
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	28/11/1968
Số CMND:	090580781; Ngày cấp: 05/04/1997; Nơi cấp: Công an Thái Nguyên
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thanh Trì - Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	Nhà 32 Phố Vạn Bảo - Liễu Giai – Ba Đình - Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	0912063254
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ học biến dạng và cán kim loại

Quá trình công tác:

- 1986 – 10/1980 Học sinh trường luyện kim Thái Nguyên
- 1991 – 2000 Công tác tại nhà máy cán thép Lưu xá, học tại chức tại ĐHBK từ năm 1993 đến 1996
- 2001 – 12/2001 Công tác tại BQL dự án nhà máy thép – TCT Sông Đà
- 1/2002 – 4/2006 Quản đốc xưởng cán nhà máy thép Việt Ý
- 5/2006 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần.

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*): Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- 4. Ông Phạm Quang Vinh - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc**
- Họ và tên: **Phạm Quang Vinh**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 04/05/1971
Số CMND: 090652927; Ngày cấp: 12/09/1997; Nơi cấp: Công an Thái Nguyên
Nơi sinh: Sông Công - Thái Nguyên
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hải Hậu – Nam Định
Địa chỉ thường trú: P 410 CT 7B khu đô thị mới Văn Quán Hà Đông Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 0904109730
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:
- 1990 – 1995 Sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên
 - 1996 – 1998 Nhân viên sửa chữa điện tại Nhà máy cơ khí gang thép
 - 1997 – 1998 Chuyên viên phòng kinh tế kế hoạch - Công ty Sông Đà 5
 - 1999 – 2002 Nhân viên sửa chữa điện tại Công ty liên doanh cán thép Natsteel Vina
 - 5/2002 – 7/2003 Công tác tại nhà máy thép Việt Ý - Công ty Sông Đà 12
 - 7/2003 – 7/2007 Quản đốc xưởng cơ điện Công ty CP thép Việt Ý
 - 7/2007- 6/2008 Trưởng phòng CN – NC&PT Công ty CP thép Việt Ý
 - 6/2008 đ ến nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP thép Việt Ý
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần
- Trong đó:*
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần.
- Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*): Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

5. Ông Trần Ngọc Anh - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(như Sơ yếu lý lịch trong phần 13.1 nêu trên)

13.3. Thành viên Ban Kiểm Soát

1. Ông Nguyễn Văn Phúc - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Văn Phúc**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **12.06.1976**

Số CMND: **CMND/Hộ chiếu số: 168047563 cấp ngày: 15.3.2007 tại Hà Nam**

Nơi sinh: **Mộc Bắc - Duy Tiên - Hà Nam**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**

Quê quán: **Dỹ Phổ - Mộc Bắc - Duy Tiên - Hà Nam**

Địa chỉ thường trú: **B16-BT6 - Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội**

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: **12/12**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế (Học viện Tài chính, khóa học 2004-2007)**

Quá trình công tác:

- Tháng 6/2003- Tháng 8/2009: Kế toán Tổng hợp, Đầu tư tại Tổng công ty Sông Đà
- Tháng 8/2009- Tháng 6/2010: Kế toán trưởng Công ty CP Luyện thép Sông Đà
- Tháng 6/2010 – nay: Phó kế toán trưởng Tập đoàn Sông Đà
- 29/3/2012 – nay: Trưởng ban kiểm soát – Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Thành viên HĐQT Công ty CP luyện thép Sông Đà, Phó kế toán trưởng Tập đoàn Sông Đà**

Số cổ phiếu đang nắm giữ:

Trong đó:

Số cổ phần sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**

Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: **0 cổ phần.**

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: **0 cổ phần**

Hành vi vi phạm pháp luật *(nếu có)*: **Không có**

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: **Không có**

Các khoản nợ đối với Công ty: **Không có**

2. Ông Phạm Thái Hà - Chức vụ: Thành viên kiểm soát

Họ và tên: **Phạm Thái Hà**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 01/11/1976
Số CMND: 112413838 cấp ngày 7/8/2001 tại Công an tỉnh Hà Tây
Nơi sinh: Bình Phú – Thạch Thất – Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Thái Thượng – Thái Thụy - Thái Bình
Địa chỉ thường trú: Tích Giang – Phúc Thọ - Hà Nội
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế đầu tư

Quá trình công tác:

- 1995 – 1999 Học tại Trường Đại học KTQD
- 2000 – 2004 Phụ trách kinh doanh – Công ty TNHH SX và xuất khẩu giấy Lâm Tuệ
- 2005 – 2006 Quản lý bán hàng – Công ty Nhựa Đông Á
- Từ tháng 3/2006 đến tháng 10/2006: Nhân viên phòng KHĐT – Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Từ tháng 11/2006 đến tháng 6/2007: Nhân viên Phòng Dự án – Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Từ tháng 7/2007 đến tháng 1/2008: Nhân viên phòng KTKH – Công ty TNHH MTV Luyện thép Hải Phòng
- Từ tháng 7/2008 đến tháng 10/2010: Phó phòng KHĐT – Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2011: Phó giám đốc Ban QLDA – Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Từ tháng 11/2011 đến nay: Giám đốc Ban QLDA – Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Ban Kiểm Soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần.
- Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- 3. Bà Nguyễn Minh Phúc- Chức vụ: Thành viên kiểm soát**
- Họ và tên: **Nguyễn Minh Phúc**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/09/1978
- Số CMND: 011963506; Ngày cấp: 10/06/1996 ; Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Trực, Nam Định, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 10, Ngõ 3 Lương Văn Can, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0904119402
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ MBIS

Quá trình công tác:

- Năm 2000 –2001 Nhân viên Xuất nhập khẩu – Công ty Việt Năng
- Năm 2001-2003 Nhân viên Phòng Thị trường – Công ty Sông Đà 12
- Năm 2004 – 2010 Phó phòng Vật tư Xuất Nhập khẩu – Công ty CP Thép Việt Ý
- Năm 2010 - đến nay Trưởng phòng PR – Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 2.000 cổ phần

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần.

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

13.4. Kế toán trưởng: Nguyễn Hoàng Ngân (như Sơ yếu lý lịch trong phần 13.1 nêu trên)

14. TÀI SẢN

Bảng giá trị tài sản tính đến ngày 31/03/2012

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà xưởng, vật kiến trúc	59.287.580.904	46.098.018.504	13.189.562.400
Máy móc thiết bị	263.899.467.154	207.441.014.375	56.458.452.779
Phương tiện vận tải	17.633.108.805	9.783.147.671	7.849.961.134
Thiết bị văn phòng	983.827.958	496.069.911	487.758.047
Tổng cộng	341.803.984.821	263.818.250.461	77.985.734.360

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011 và BCTC 31/03/2012 của VIS)

15. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

15.1 Kế hoạch kinh doanh sau sáp nhập

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2012

Chỉ tiêu	Trước sáp nhập		Sau sáp nhập		
	Năm 2011	Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2011	Giá trị (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2012
Doanh thu thuần	3.915	6.151	57%	7.292	19%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	27	19	-29,6%	204	974%
Vốn điều lệ	300	492	64,0%	492	0%
Tỉ lệ LNST/Doanh thu thuần	0,7%	0,3%	-	2,8%	-
Tỉ lệ LNST/Vốn điều lệ	9,0%	3,9%	-	41,5%	-

(Nguồn: Công ty CP Thép Việt Ý)

15.2 Căn cứ đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm

Kế hoạch lợi nhuận cổ tức nói trên được tổng hợp dựa trên phương án sau khi sáp nhập SDS vào VIS. Mặc dù đạt được các yếu tố cộng lực (synergy) nhưng vẫn bị ảnh hưởng từ những tồn tại trong năm 2011 của SDS so với khi 2 Công ty hoạt động độc lập, do đó dự báo kết quả lợi nhuận năm 2012 của VIS sau sáp nhập sẽ thấp hơn so với năm 2011 của VIS khi hoạt động độc lập với quy mô vốn tương ứng.

Mặc dù năm 2011 là một năm tương đối khó khăn đối với ngành thép, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của VIS tương đối tốt nếu không phải trích lập dự phòng từ việc SDS lỗ. Tính đến thời điểm 31/12/2011, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm do ĐHCĐ thường niên đề ra. Cụ thể là doanh thu thực hiện năm 2011 là 3.915 tỷ đồng bằng 135% kế hoạch cả năm, và lợi

nhuận thực hiện trong năm 2011 là 35,3 tỷ đồng đạt 37% kế hoạch đề ra.

Với kết quả hoạt động kinh doanh khả quan của năm 2011 như nêu trên, Ban Tổng Giám đốc đã lên kế hoạch doanh thu lợi nhuận cho năm 2012, 2013 trên cơ sở xem xét tính khả thi của kế hoạch từ việc sáp nhập, cũng như đã tính đến những biến động thuận lợi và bất lợi của thị trường thép xây dựng trong năm tiếp theo.

16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

16.1. Cơ sở của việc đánh giá

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích:

Các mảng hoạt động và sản phẩm của VIS:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt – Ý (VIS);
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.
- Sản phẩm chính của VIS : Các loại thép cuộn \varnothing 5,5 đến \varnothing 12 và thép thanh từ D10 đến D40 được sử dụng làm bê tông, cốt thép chịu lực chính cho các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng cơ sở, v.v

Các mảng hoạt động và sản phẩm của SDS:

- Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn sắt, thép;
 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sản xuất sắt, thép gang;
 - Bán buôn vật tư phục vụ ngành sản xuất sắt, thép, gang;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Vận tải đường sắt.
 - Sản phẩm chính của SDS: Phôi thép các mác 20MnSi, Q235, 25MnSi, SD390, SD490, Gr60, CT3, CT5, 35GPS, Q235A và các mác thép hợp kim độ bền cao dùng trong ngành xây dựng
- Việc sáp nhập SDS và VIS, VCBS đã nghiên cứu về phương án sáp nhập và dựa trên các yếu tố:
- Sự tương đồng trong chiến lược hoạt động
 - Sự tương đồng về văn hóa Công ty
 - Các yếu tố cộng lực (synergy) sau khi sáp nhập so với khi 2 Công ty hoạt động độc lập.

Kết quả kinh doanh của VIS và SDS năm 2011

16.2. Đánh giá của tổ chức tư vấn về sáp nhập

Sau các nghiên cứu, phân tích của VCBS, chúng tôi đánh giá phương án sáp nhập giữa 2 Công ty: SDS và VIS có tính khả thi:

1. Các bên tham gia sáp nhập đều là các công ty con, công ty thành viên của Tập đoàn Sông Đà, đều được đầu tư công nghệ, dây chuyền sản xuất của Italy hiện đại bậc nhất hiện nay nên có thể nói việc sáp nhập này sẽ mang lại sự đồng bộ cao về công nghệ, dây chuyền sản xuất khép kín.
2. Là các công ty con, công ty thành viên của Tập đoàn Sông Đà nên có được sự hỗ trợ tích cực về vốn, công nghệ và có cơ hội cung cấp sản phẩm cho nhiều dự án, công trình xây dựng lớn trong cả nước.
3. Nguồn nhân lực các bên có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm.
4. Mặc dù cùng lĩnh vực hoạt động, nhưng SDS chủ yếu luyện thép thành phôi còn VIS cán phôi thành thép sản phẩm. Vì vậy, việc sáp nhập này được coi là sáp nhập theo chiều dọc, đem lại lợi thế về bảo đảm và kiểm soát chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, giảm chi phí trung gian, không chế nguồn hàng.
5. Bên cạnh sự những thuận lợi, thế mạnh của các bên tham gia sáp nhập cũng đang gặp không ít khó khăn, thách thức như khó huy động vốn, gia tăng chi phí từ chính sách kiểm chế lạm phát theo chủ trương của Chính phủ, tình trạng thép nhập giá rẻ tràn vào Việt Nam khiến các công ty sản xuất thép trong nước phải lao đao, mức độ cạnh tranh về chất lượng mẫu mã và giá cả giữa các công ty sản xuất thép cán trong nước đang diễn ra ngày càng gay gắt.
6. Hai doanh nghiệp có nhiều điểm tương đồng trong chiến lược hoạt động, cùng chia sẻ chiến lược chung trở thành trở thành một doanh nghiệp hùng mạnh.
7. Có nhiều điểm tương đồng trong văn hóa Công ty: đường lối, chính sách trong quản lý, tổ chức, phong cách làm việc...
8. Đạt được các yếu tố cộng lực (synergy): Sản phẩm đầu ra của SDS hiện tại là sản phẩm đầu vào chính của VIS...

16.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch kinh doanh của Công ty

Hiện nay, thị trường thép và bất động sản đang trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế. Điều này sẽ có những tác động nhất định đến kết quả kinh doanh của ngành thép. Tuy nhiên, đối với VIS mặc dù không tránh khỏi những tác động này nhưng sẽ gặp nhiều thuận lợi bởi việc sáp nhập SDS vào VIS trong thời điểm hiện nay là phù hợp với chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nói chung và với chủ trương tái cấu trúc toàn bộ tập đoàn của công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà nói riêng. Theo đó, VIS sau sáp nhập sẽ có được những hỗ trợ mạnh mẽ từ Tập đoàn Sông Đà cả về vốn, công nghệ cũng như cơ hội cung cấp sản phẩm cho nhiều dự án, công trình xây dựng lớn trong cả nước. Do vậy kế hoạch kinh doanh mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Không có.

PHẦN V. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CP LUYỆN THÉP SÔNG ĐÀ – TỔ CHỨC BỊ SÁP NHẬP

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên doanh nghiệp	CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN THÉP SÔNG ĐÀ
Tên giao dịch	Song Da Steel Joint Stock
Tên viết tắt	SDS
Giấy phép thành lập	Số 0200763016 do SKH&ĐT Tp. Hải Phòng cấp ngày 16/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/01/2012
Trụ sở chính	Khu công nghiệp Đông Nam Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại	031.3594083
Fax	031.3594084
Website	www.sd-steel.com.vn
Vốn điều lệ	443.039.570.000 đồng

Biểu trưng (logo)



Lĩnh vực kinh doanh chính

- Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn sắt, thép;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sản xuất sắt, thép gang;
- Bán buôn vật tư phục vụ ngành sản xuất sắt, thép, gang;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải đường sắt.

Tổng số lao động là 658 người, bao gồm:

Cơ cấu lao động
(31/12/2011)

- Cán bộ trình độ đại học, trên đại học: 105 người
- Cán bộ trình độ cao đẳng :130 người
- Cán bộ trình độ trung cấp : 386 người
- Cán bộ trình độ sơ cấp các loại : 37 người

2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty (vào ngày 28/02/2012)

Tên cổ đông	GCNĐKKD/ CMTND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Sông Đà	000109576	Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội	14.156.250	32,00
Công ty cổ phần Thép Việt Ý	0900222647	Khu CN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	19.125.000	43,16
Tổng cộng			33.281.250	75,16

(Nguồn: SDS)

2.2. Cơ cấu Cổ đông Công ty (vào ngày 28/02/2012)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	93	44.303.957	100,00
	Tổ chức	2	33.281.250	75,12
	Cá nhân	91	11.022.707	24,88
2	Nước ngoài	-	-	-
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-

(Nguồn: SDS)

2.3. Danh sách cổ đông sáng lập: Không có.

3. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY THÀNH VIÊN: Không có

4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Sản phẩm của nhà máy: các loại phôi thép từ các bon thông thường, đến thép hợp kim mangan cao, thép các bon xây dựng ưu chất, thép dự ứng lực theo các tiêu chuẩn: JIS, ASTM, BS, GB, TCVN... Các mác thép 20MnSi, 25MnSi, Q235A, SD295A, SD390, SD490 v.v..Kích thước phôi đúc.

- Phôi 120 x 120 mm, chiều dài 6000 mm hoặc 12000 mm.

- Phôi 130 x 130 mm, chiều dài 6000 mm hoặc 12000 mm.

Phôi 150 x 150 mm, chiều dài 6000 mm hoặc 12000 mm.

Ngoài ra Công ty có thể sản xuất các mác thép với số lượng và tiêu chuẩn cao theo đơn đặt hàng

của khách hàng.

4.2. Công tác đầu tư sản xuất của Công ty

✚ Nhà máy sản xuất phôi thép:

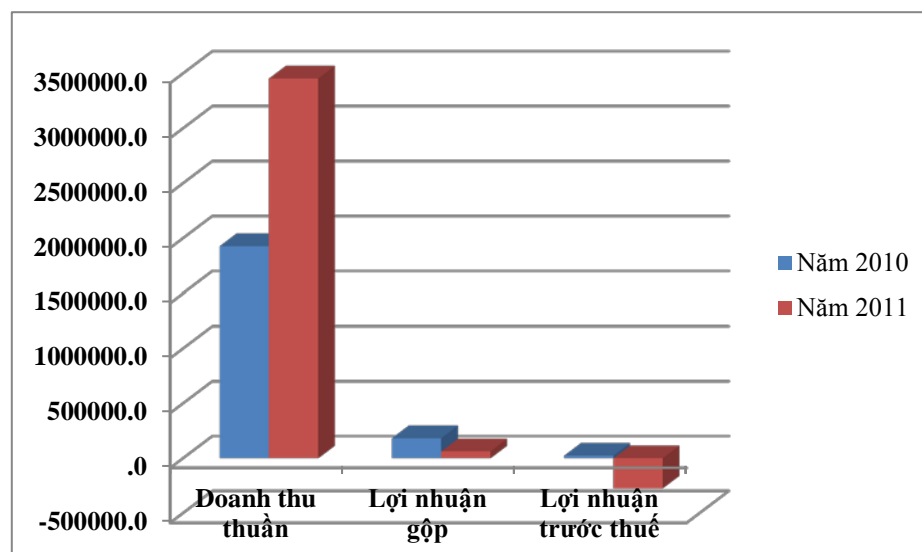
- Đầu tư xây dựng bãi chứa thép phế số 2 có 01 cổng trục 40T x 35m.
- Đầu tư xây dựng đường cuối tuyến 3 làm bãi sửa chữa và rửa Container.
- Đầu tư xây dựng bãi chế biến thép phế và phục vụ phân kim, xử lý bù lún gian nạp liệu.
- Xây dựng văn phòng Xưởng Nguyên liệu tại bãi chứa thép phế số 1 và một số hạng mục phụ trợ.
- Đề chủ động trong việc tiếp nhận, vận chuyển thép phế từ Cảng Hải Phòng về nhà máy và vận chuyển phôi thép từ nhà máy cho khách hàng, Hội đồng quản trị Công ty đã nhất trí cho mua thêm 06 xe đầu kéo và somi romooc để phục vụ sản xuất.
- Đầu tư mua 02 xe tải ben để chở thép phế vào nấu luyện.

4.3. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp theo từng nhóm dịch vụ của Công ty năm 2010 và 2011

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu thuần	1.927.826	100,0	3.453.946	100,00
Lợi nhuận gộp	183.869	9,54	63.520	1,84
Lợi nhuận trước thuế	23.652	1,22	(275.894)	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009-2011 của SDS)

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU THUẦN CỦA SDS



Lợi nhuận sau thuế năm 2011 bị giảm đột biến (-276 tỷ) vì một số nguyên nhân sau:

- Do nhà máy mới đi vào hoạt động một năm trình độ quản lý và sản xuất còn kém dẫn đến chưa khai thác hết công suất thiết bị và chi phí nấu luyện còn rất cao so với các nhà máy khác, mặc dù đến cuối năm các chi tiêu tiêu hao đã giảm nhưng; giá điện tăng 15,28% so với năm 2010, giá than tăng, giá xăng dầu tăng và các vật tư khác đều tăng, tỷ giá giữa USD/VNĐ tăng 5,5% so với năm 2010, lãi suất cho vay ở các ngân hàng thương mại trên 20%/năm làm cho giá thành sản xuất trong kỳ tăng nhưng không thể tăng giá bán do phải cạnh tranh với các sản phẩm phôi thép nhập khẩu và phôi thép được đầu tư, vay vốn của nước ngoài có lãi xuất thấp (6,06% với RMB và 0,5% với USD) và phôi thép được nấu từ các lò trung tần có giá rẻ hơn từ 600.000 đồng/một tấn đến 800.000 đồng/một tấn.
- Những giải pháp của Chính phủ về kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011, trong đó có cắt giảm dự án và sắp xếp lại dự án đầu tư ảnh hưởng trực tiếp đến ngành thép.
- Mặt khác sản lượng tiêu thụ không đạt kế hoạch, trong kỳ trích lập dự phòng phải thu nợ khó đòi theo chế độ 5,6 tỷ đồng.
- Thị trường tài chính gặp nhiều khó khăn do chính sách thắt chặt tận dụng, lãi suất Ngân hàng tăng cao, lãi suất vốn vay dài hạn điều chỉnh tăng đã làm tăng chi phí tài chính 18,33 tỷ đồng.
- Đồng thời do sản lượng tiêu thụ thấp, lượng phôi và lượng thép phế bình quân tồn kho ở mức cao dẫn đến vòng quay hàng tồn kho giảm và vòng quay vốn lưu động thấp không đạt kế hoạch đề ra (chỉ đạt 2,38 vòng/năm, kế hoạch 3,34 vòng/năm) làm tăng chi phí lãi vay ngắn hạn làm giảm lợi nhuận gộp (96,70) tỷ đồng.
- Nguyên liệu đầu vào chính cho nhà máy là thép phế liệu với nguồn cung chính từ nhập khẩu, bởi vậy nhu cầu ngoại tệ USD của đơn vị là rất lớn. Để giảm thiểu tối đa chi phí tài chính, Công ty đã linh hoạt lựa chọn đồng tiền USD để nhận nợ trong thời kỳ tỷ giá VNĐ/USD ổn định để tận dụng chênh lệch lãi suất giữa đồng VNĐ và USD, tuy nhiên do biến động tỷ giá trong năm thất thường và có thời điểm chênh lệch 2000 điểm làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận (8,90) tỷ đồng.

4.4. Chi phí kinh doanh

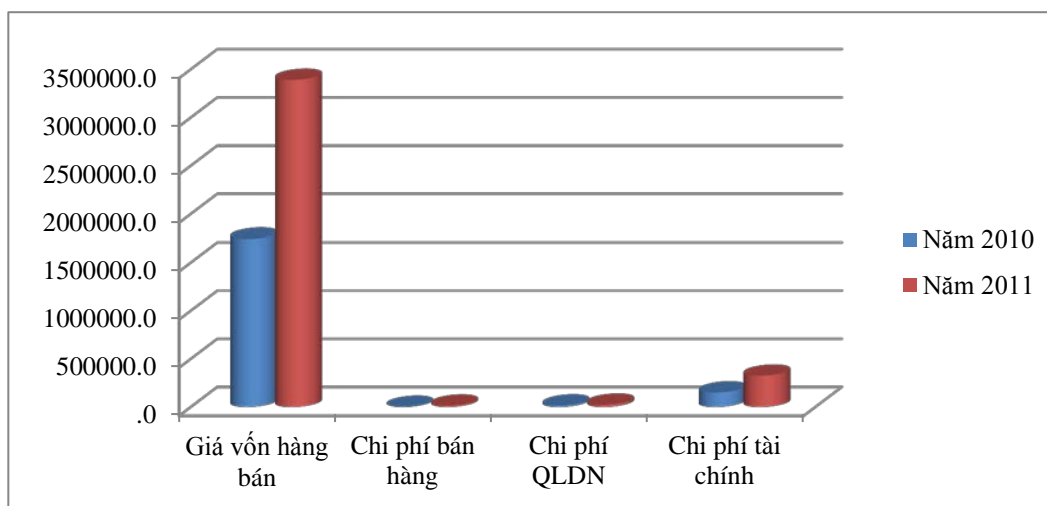
Chi phí bán hàng, cung cấp dịch vụ của Công ty và các chi phí khác được thể hiện trong bảng sau:

Khoản mục	Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	1.743.956	91,32%	3.390.426	90,35%
Chi phí bán hàng	999	0,05%	13.692	0,36%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.682	0,77%	23.664	0,63%

Chi phí tài chính	150.139	7,86%	324.564	8,65%
Tổng cộng	1.909.776	100,00%	3.752.346	100,00%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010-2011 của SDS)

Biểu đồ thể hiện cơ cấu chi phí của SDS giai đoạn 2010-2011



5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010 VÀ 2011

5.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2010 và 2011

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	% +/- 2011/2010
Tổng giá trị tài sản	2.622.811	2.917.354	11,23%
Doanh thu thuần	1.927.826	3.453.946	79,16%
Doanh thu hoạt động tài chính	3.878	8.512	119,49%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.927	(289.888)	-1.422,06%
Lợi nhuận trước thuế	23.652	(275.894)	-1.266,47%
Lợi nhuận sau thuế	23.652	(275.894)	-1.266,47%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	-	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010-2011 của SDS)

5.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

- Sau hơn 2 năm đi vào sản xuất, máy móc thiết bị đã dần ổn định, các vị trí công việc nấu - luyện - đúc - ra phôi đã hoàn thiện. Chất lượng sản phẩm các loại phôi thép đã phần nào đáp ứng nhu cầu khách hàng, Công ty đã chủ động kiểm soát chất lượng bán ra, đặc biệt là phôi thép cấp cho Việt - Ý với thị trường bán thép phần lớn cho các dự án đòi hỏi khắt khe về yêu cầu chất lượng. Các chỉ số tiêu hao đã tiệm cận với FS.
- Chất lượng sản phẩm được quản lý và có thể cung cấp cho thép Việt - Ý khoảng 200.000tấn/năm.
- Các công trình xây dựng đã dần hoàn thiện góp phần giảm bớt khó khăn cho Công ty như: Cầu cảng nhập nguyên liệu; Bãi chứa thép phế số 2 với công trục 40tấn; mặt bằng gia công bãi chứa thép phế
- Có sự giúp đỡ to lớn của Tập đoàn công nghiệp xây dựng Việt Nam về thương hiệu, uy tín, khả năng tài chính và đặc biệt sát khi nhập vào Công ty cổ phần thép Việt - Ý thì mức tiêu thụ sẽ tăng cao.
- Đã thiết lập được mối quan hệ tốt uy tín với một số nhà cung cấp thép phế lớn trên thế giới.

 **Những nhân tố khó khăn**

- Theo dự báo thì sức tiêu thụ thép toàn cầu tiếp tục yếu cho tới ít nhất hết năm 2012 do nền kinh tế thế giới tiếp tục bất ổn. Lạm phát cao đe dọa sự ổn định kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển.
- Kinh tế vĩ mô trong nước năm 2011 vẫn đặt trọng tâm là kiềm chế lạm phát, đầu tư công duy trì ở mức thấp nên nhu cầu sẽ giảm đặt các doanh nghiệp kinh doanh thép vào thế cạnh tranh gay gắt.
- Lãi suất vay vốn tuy có giảm nhưng vẫn đứng ở mức cao, trong khi đó đặc thù của ngành luyện thép và kinh doanh thép là phải sử dụng vốn vay lớn.
- Tỷ giá ngoại tệ là điều khó dự báo trước và là nỗi lo lớn nhất của các doanh nghiệp có nhập khẩu.
- Bên cạnh đó thì năm 2011 ngoài việc phải cạnh tranh với các nhà máy luyện thép sẵn có như Thép Shengli, Thép Đình Vũ, Thái Bình Dương, Thép Phú Mỹ, Thép Việt ... dự kiến sẽ có thêm một số nhà máy sản xuất phôi thép khác đi vào hoạt động như Thép Việt (mới), Thép Việt Nhật, Thép Hưng Thịnh Phát,... đặc biệt riêng chủng loại phôi SD295A để cán được các loại đường kính dưới 16mm phải cạnh tranh với các nhà máy thép sản xuất bằng lò trung tần với giá bán giảm gần 900.000 đồng/tấn.

6. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

Nhà máy luyện thép Sông Đà mới đi vào hoạt động hơn một năm (cuối 2009), trình độ quản lý và sản xuất còn kém dẫn đến chưa khai thác hết công suất thiết bị và chi phí nấu luyện còn rất cao so với các nhà máy khác. Nhưng công ty đó sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến để đạt năng suất cao hơn trong quá trình luyện thép. Bên cạnh đó, là một công ty thành viên của Tập đoàn Sông Đà, SDS được sự hỗ trợ rất lớn về mọi mặt. Do đó, SDS đó có những ưu thế khác biệt so với các công ty hoạt động cùng ngành:

- Tạo ra sự khác biệt về sản phẩm: với Nhà máy có quy mô và công suất lớn Công ty có thể tạo ra các sản phẩm mà các Nhà máy khác không sản xuất được: thép hợp kim cường độ cao, thép chịu nhiệt, thép chịu mài mòn, thép không gỉ.
- Dẫn đầu chi phí thấp: Với ưu thế của một Nhà máy có công nghệ vượt trội, các chỉ tiêu tiêu hao về điện, than điện cực nhỏ, chỉ tiêu thu hồi kim loại cao, năng suất nấu luyện lớn. Công ty phấn đấu để đưa giá thành sản xuất xuống thấp nhằm mang lại lợi ích ngày càng nhiều hơn cho người tiêu dùng và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm của Công ty.
- Đầu tư sâu vào khoa học công nghệ luyện thép với các trang thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ khoa học dày dặn, nhiều kinh nghiệm, thuê các chuyên gia nước ngoài, mua công nghệ quyết công nghệ và bản quyền.
- Hướng tới quyền lợi của khách hàng: Coi khách hàng là trọng tâm của mọi hoạt động, là lý do tồn tại của công ty, làm hài lòng khách hàng là nhiệm vụ cao cả nhất của mỗi thành viên trong công ty.

PHẦN VI. CỔ PHẦN CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG

1. LOẠI CỔ PHẦN **Cổ phần phổ thông**

2. MỆNH GIÁ **10.000 đồng/cổ phần**

3. TỔNG SỐ CỔ PHẦN DỰ KIẾN PHÁT HÀNH THÊM

Phát hành 19.220.577 cổ phần VIS để hoán đổi cổ phần SDS thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012 được tổ chức vào ngày 29/03/2012 của Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012 được tổ chức vào ngày 27/03/2012 của Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà.

4. PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH VÀ TÍNH GIÁ

Phát hành theo phương thức hoán đổi cổ phần. Theo đó VIS sẽ phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của SDS nhằm sở hữu 100% số lượng cổ phần đang lưu hành của SDS.

Tỷ lệ hoán đổi Cổ phần SDS sang cổ phần VIS: 1,31 SDS = 1 VIS

Cổ phần hoán đổi mà cổ đông SDS trên được nhận theo tỷ lệ hoán đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phần lẻ VIS (phần thập phân) phát sinh (nếu có) sẽ được hủy.

5. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI CỔ PHẦN

5.1. Kế hoạch hoán đổi cổ phần từ khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN

STT	Công việc	Thời gian (ngày) ¹
1	VIS nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định.	T+1
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông SDS hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu VIS	T+3
4	Nhận được danh sách cổ đông SDS thực hiện hoán đổi	T+15
5	Tổng hợp và báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN	T+16
6	Lưu ký bổ sung cổ phiếu VIS phát hành thêm	T+20
7	Niêm yết bổ sung cổ phiếu VIS phát hành thêm	T + 38

¹ Ngày T là ngày bình thường tính cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ

5.2. Kế hoạch các công việc sau khi VIS hoàn tất thủ tục hoá đổi cổ phiếu:

STT	Công việc	Thời gian (ngày)²
1	Thực hiện đăng ký kinh doanh tăng vốn của Công ty cổ phần Thép Việt Ý và đăng ký chuyển đổi SDS thành chi nhánh. Theo đó, SDS chấm dứt hoạt động và làm thủ tục trả dấu và đăng ký mã số thuế mới, con dấu cho chi nhánh mới	T + 20
2	Thực hiện công bố thông tin về việc tăng vốn, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới và chuyển đổi SDS thành chi nhánh theo quy định (nếu cần).	T+21
3	Tiến hành các thủ tục cần thiết để tiếp tục thực hiện các hợp đồng lao động với người lao động của SDS; (ii) VIS trở thành chủ sở hữu đối với các tài sản của SDS, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu cần thiết); (iii) thay đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... thành tên VIS; (iv) VIS tiếp tục kế thừa và thực hiện các hợp đồng thỏa thuận mà SDS đã ký với bên thứ ba; và (iv) VIS kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của SDS theo quy định của pháp luật hiện hành;	Thực hiện theo kế hoạch của HĐQT

6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẤM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tuân theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: *“Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) không vượt quá 49% vốn điều lệ của một công ty đại chúng”*.

Tính đến 15/02/2012, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS) là 4,02%.

Tính đến 15/02/2012, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà (SDS) là 0%. Do vậy, sau khi sáp nhập, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VIS (tối đa tính đến ngày 15/02/2012) vẫn đáp ứng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định hiện hành.

7. CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG

Không có.

² Ngày T là ngày bình thường tính cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ

8. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

8.1. Công ty cổ phần Thép Việt Ý đang thuộc điều chỉnh của các loại thuế sau:

- **Thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán**

Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức:

Theo qui định trong Thông tư số 84/2008/TT-BTC “*Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân*”, ban hành ngày 30/09/2008, và Thông tư số 62/2009/TT-BTC “*Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC*” ban hành ngày 27/03/2009, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức (*đối với cổ tức bằng tiền*). Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = cổ tức nhận được x thuế suất 5%.

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Cũng theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo quy định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%.

Theo Nghị quyết số 32/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội điều chỉnh mục tiêu tổng quát, một số chỉ tiêu kinh tế, ngân sách Nhà nước, phát hành bổ sung trái phiếu Chính phủ năm 2009 và miễn thuế thu nhập cá nhân năm 2009 và Thông tư số 160/2009/TT-BTC Hướng dẫn miễn thuế thu nhập cá nhân năm 2009 theo Nghị quyết số 32/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội:

“Đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009 bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ đầu tư vốn; từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán)”.

Thuế Giá trị gia tăng

Theo Nghị định 123/NĐ-CP được ban hành ngày 08/12/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, những người sử dụng các dịch vụ liên quan đến chứng khoán, với các nghiệp vụ như môi giới, tư doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư, lưu ký chứng khoán, v.v.... đều không phải nộp thuế Giá trị gia tăng.

■ **Thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Căn cứ luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư, Công ty được hưởng những ưu đãi đối với thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Sau thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi như trên, Công ty phải đóng thuế đầy đủ theo như quy định của pháp luật.

Các loại thuế khác:

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

8.2. Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà đang thuộc điều chỉnh của các loại thuế sau:

■ ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:***

SDS được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 cho cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành, nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư.

■ ***Các loại thuế khác:***

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

9. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CỦA ĐỢT CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG ĐÃ ĐĂNG KÝ VỚI UBCKNN

Trong năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Việt Ý đã thực hiện đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng (theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 108/UBCK-ĐKCB ngày 13/06/2007), trong đó:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 1.000.000 cổ phiếu, tương đương mức trả cổ tức 10%;

- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 400.000 cổ phiếu theo tỷ lệ thưởng 25:1;
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.600.000 cổ phiếu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua 25:9 với giá 10.000 đồng/ cổ phần;

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Thép Việt Ý đã thực hiện đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng (*theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 509/UBCK-ĐKCB ngày 03/02/2010*), trong đó:

- Thưởng cho cổ đông hiện hữu (2:1): 7.500.000 cổ phiếu.
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu (2:1): 7.500.000 cổ phiếu.

PHẦN VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Phát hành cổ phần VIS cho mục đích sáp nhập SDS vào VIS. Theo đó đợt phát hành 19.220.577 cổ phần VIS để hoán đổi cổ phần SDS thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012 được tổ chức vào ngày 29 tháng 03 năm 2012 của Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012 được tổ chức vào ngày 27 tháng 03 năm 2012 của Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà.

2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

2.1 Phương án sáp nhập

Nhằm phát huy và tập trung nguồn lực của hai đơn vị, tạo ra một Công ty trong lĩnh vực thép hàng đầu Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông của VIS và SDS đã phê duyệt sáp nhập Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà vào Công ty cổ phần Thép Việt Ý với các nội dung chi tiết dưới đây:

Phương thức sáp nhập

- Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà sẽ sáp nhập vào Công ty cổ phần Thép Việt Ý;
- Cổ đông hiện hữu của SDS sẽ được chuyển đổi cổ phần SDS thành cổ phần của VIS

Hình thức hoạt động của SDS sau sáp nhập

Sau khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phần, VIS sẽ tổ chức lại SDS thành chi nhánh trực thuộc.

2.2 Xác định tỷ lệ hoán đổi

Định giá cổ phiếu

Xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu dựa trên phương pháp chiết khấu dòng tiền và phương pháp so sánh tương đương. Căn cứ theo 2 phương pháp xác định giá trị nêu trên, giá trị thị trường hợp lý cổ phiếu VIS dao động trong khoảng từ 18,706 đồng cho đến 19,635 đồng (mức giá thấp nhất theo phương pháp Hệ số EBITDA); giá trị thị trường hợp lý cổ phiếu SDS dao động trong khoảng từ 11,549 đồng cho đến 15,262 đồng (mức giá thấp nhất theo phương pháp Hệ số EBITDA), cụ thể:

Phương pháp	Tỷ trọng	VIS (VND/CP)	SDS (VND/CP)
FCFF	90%	19.635	15.262
Hệ số EBITDA	10%	18.706	11.549
Giá cổ phiếu		19.542	14.890
Tỷ lệ hoán đổi (dự kiến)		1	1,31

Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi

Trong khoảng giá dao động nêu trên Hội đồng quản trị các bên đã lựa chọn mức giá hợp lý, hài hòa giữa lợi ích của các cổ đông ngắn hạn và mục tiêu phát triển dài hạn của doanh nghiệp và trình Đại hội đồng cổ đông các bên thông qua. Theo đó, Đại hội cổ đông các bên tham gia sáp nhập đã thông qua tỷ lệ hoán đổi cổ phần SDS và VIS với kết quả như sau:

Tỷ lệ hoán đổi: 1,31 SDS = 01 VIS

Các cổ đông sở hữu 1,31 cổ phần của Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phần của Công ty cổ phần Thép Việt Ý (Mã chứng khoán: VIS).

Cổ phần VIS hoán đổi mà cổ đông Công ty Luyện thép Sông Đà nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần VIS lẻ (phần thập phân) phát sinh (nếu có) sẽ được hủy.

2.3 Lợi ích từ việc sáp nhập Công ty

- Đạt được hiệu quả dựa vào quy mô: Điều này đề cập đến thực tế rằng công ty sau sáp nhập có thể giảm chi phí cố định bằng cách tinh giảm các phòng ban hay hoạt động trùng lặp với công ty kia, làm giảm các chi phí của công ty liên quan tới dòng doanh thu từ các sản phẩm giống nhau, do đó làm gia tăng lợi nhuận biên. Đồng thời công ty sẽ có ưu thế hơn khi tiến hành giao dịch hoặc đàm phán với các đối tác. Mặt khác, quy mô lớn cũng giúp doanh nghiệp đó giảm thiểu được các chi phí phát sinh không cần thiết.
- Gia tăng doanh thu hay thị phần: Điều này giả định rằng công ty sáp nhập có thể loại bỏ hoặc bám đuổi sát đối thủ cạnh tranh chính trong ngành, do đó gia tăng sức mạnh trên thị trường (bằng việc chiếm lấy thị phần) để có thể ấn định giá.
- Giảm thiểu chi phí trung gian do sở hữu được dây chuyền sản xuất khép kín, đồng bộ, hiện đại, đem lại lợi thế cạnh tranh để vượt qua các đối thủ khác.
- Tăng cường thị phần và danh tiếng trong ngành: mở rộng các kênh marketing và hệ thống phân phối. Bên cạnh đó, vị thế của công ty mới sau khi sáp nhập sẽ tăng lên trong mắt cộng đồng đầu tư: công ty lớn hơn, có lợi thế hơn và có khả năng tăng vốn dễ dàng hơn một công ty nhỏ.
- Thông qua việc sáp nhập theo chiều dọc, công ty có thể tập hợp các khoản chi phí vô ích bằng cách thiết lập sản lượng của công ty lớn ở mức cạnh tranh. Điều này sẽ làm gia tăng lợi nhuận và thặng dư tiêu dùng.
- Cổ phiếu của SDS chưa niêm yết sẽ được hoán đổi thành cổ phiếu của VIS đã niêm yết và có thanh khoản tốt trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

Cải thiện tình hình tài chính	Củng cố vị thế thị trường	Giảm thiểu chi phí ngắn hạn	Tận dụng quy mô dài hạn
<ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện tình hình tài chính - Tăng thêm vốn nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn - Tăng cường tính minh bạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng thị phần - Tăng khách hàng - Tận dụng quan hệ khách hàng - Tận dụng kiến thức sản phẩm để tạo ra cơ hội kinh doanh mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm chi phí hoạt động - Tiết kiệm chi phí hành chính và quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối ưu hóa kết quả đầu tư công nghệ - Tận dụng kinh nghiệm thành công của các bên

2.4 Định hướng của Công ty sau sáp nhập

Như đã trình bày ở phần trên, việc sáp nhập sẽ mang lại những điều kiện thuận lợi mà mỗi doanh nghiệp riêng lẻ khó có thể đạt được. Tuy nhiên, sáp nhập chỉ mới là bước đầu tiên. Mục tiêu cao nhất của việc sáp nhập là phải xây dựng cho được một doanh nghiệp phát triển bền vững. Để đạt mục tiêu này phải xây dựng và triển khai thành công chiến lược dựa trên nền tảng lấy sản xuất công nghệ là nòng cốt, xác định hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo, là động lực cho sự phát triển, cụ thể:

Một số điểm mạnh và hạn chế của VIS sau sáp nhập

Thế mạnh	Hạn chế
<ul style="list-style-type: none"> ▶ VIS sau sáp nhập sẽ là doanh nghiệp có qui mô tương đối lớn trong khối doanh nghiệp ngành thép xét về vốn, qui mô tài sản. Do đó, có thể nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động cho doanh nghiệp. ▶ Công nghệ: dây chuyền sản xuất khép kín hàng đầu thế giới – Italy, được nhập khẩu, lắp đặt và chuyển giao công nghệ. ▶ Nguồn nhân lực: Đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm và phần lớn được thu gom, nhập khẩu từ nước ngoài nên việc giá phôi thép trên thị trường thế giới biến động sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của VIS sau sáp nhập

Thế mạnh	Hạn chế
<ul style="list-style-type: none"> ▶ Hỗ trợ từ phía Tập đoàn Sông Đà: về vốn, công nghệ và cơ hội cung cấp sản phẩm cho nhiều dự án, công trình xây dựng lớn trong cả nước. ▶ Nguồn lực tài chính: có quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng lớn, có uy tín như: Vietcombank, Agribank, BIDV, Incombank, Techcombank... ▶ Kế thừa các thế mạnh từ VIS như thương hiệu Thép Việt Ý chiến lược Marketing hiệu quả. 	

Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> ▶ Nền kinh tế Việt Nam là nước đang phát triển nên nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng còn rất lớn. Do vậy, nhu cầu về nguyên vật liệu xây dựng đặc biệt là thép cao. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Mức độ cạnh tranh về chất lượng mẫu mã và giá cả giữa các công ty sản xuất thép cán trong nước đang diễn ra ngày càng gay gắt. ▶ Tình trạng thép Trung Quốc giá rẻ đang tràn vào Việt Nam khiến các công ty sản xuất thép trong nước phải lao đao.

Xuất phát từ những đánh giá về điểm mạnh, điểm yếu nêu trên trong bối cảnh thị trường có nhiều cơ hội nhưng cũng có những thách thức nhất định, VIS sau sáp nhập trở thành một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép tầm cỡ khu vực và thế giới với mục tiêu:

Thị trường & khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thị trường tại các khu đô thị, khu dân cư. - Đa dạng hóa cơ sở khách hàng, phát triển thêm nhiều khách hàng mới.
Sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cố các sản phẩm hiện có, hình thành các sản phẩm mới để gia tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
Kênh phân phối	<ul style="list-style-type: none"> - Phát huy lợi thế về mạng lưới hoạt động hiện có và mở rộng thị trường, đưa sản phẩm, dịch vụ đến tận tay người tiêu dùng.

2.5 Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau sáp nhập

Chỉ tiêu	Trước sáp nhập		Sau sáp nhập	
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	
	Giá trị (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2012
Doanh thu thuần	3.915	6.151	7.292	19%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	27	19	204	974%
Vốn điều lệ	300	492	492	0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	58	-87	117	234%
Tổng tài sản	1.318	2.942	3.046	4%
Tỉ lệ LNST/Doanh thu thuần	0,7%	0,3%	2,8%	-
Tỉ lệ LNST/Vốn điều lệ	9,0%	3,9%	41,5%	-

(Nguồn: Công ty CP Thép Việt Ý)

Với kết quả hoạt động kinh doanh khả quan của VIS năm 2011 như nêu trên, Ban Tổng Giám đốc đã lên kế hoạch doanh thu lợi nhuận cho năm 2012, 2013 trên cơ sở xem xét tính khả thi của kế hoạch kinh doanh sau việc sáp nhập, cũng như đã tính đến những biến động thuận lợi và bất lợi của thị trường thép xây dựng trong năm tiếp theo. Theo đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của VIS sau sáp nhập sẽ là tập trung vào việc tiếp quản nhà máy phôi thép hiện nay của SDS cũng như xử lý khoản lỗ năm 2011 và hàng tồn kho của SDS (tương ứng là 275,9 tỷ và 825,6 tỷ).

Sau sáp nhập, VIS tiếp quản toàn bộ nhà máy phôi thép (SDS hiện nay) nên sẽ giữ thế chủ động nguồn nguyên liệu phôi phục vụ cho cán thép cũng như bổ sung thêm một nguồn thu từ bán phôi thép bên cạnh nguồn thu truyền thống từ các sản phẩm thép cán. Công suất thiết kế nhà máy luyện phôi thép Sông Đà là 400.000 tấn/năm, ước tính sản lượng trong năm 2012 sẽ đạt 340.000 tấn, do đó ban lãnh đạo công ty có kế hoạch sử dụng 70% thành phẩm từ nhà máy làm nguyên liệu đầu vào cho nhà máy thép cán của VIS (công suất 250.000 tấn), phần còn lại tiếp tục bán cho các khách hàng lâu năm của SDS như Austnam, VinaAusteel, Thép Việt Đức, Thái Hưng... Theo đó, VIS sẽ xử lý nhanh khoản hàng tồn kho 825,6 tỷ năm 2011 của SDS.

Trong năm 2011, SDS đã phát sinh khoản thua lỗ hơn 275,9 tỷ đồng. Sau sáp nhập, khoản lỗ này đã được bù đắp một phần bằng chính lợi nhuận để lại của VIS. Năm 2012, VIS đặt kế hoạch sau sáp nhập khá khiêm tốn với LNST hơn 19 tỷ đồng, do triển vọng ngành thép vẫn khá ảm đạm, và doanh nghiệp có xu hướng tập trung vào tái cơ cấu toàn diện hoạt động. Mặc dù vậy, kết quả lợi nhuận dương sẽ tiếp tục làm giảm khoản lỗ lũy kế cuối năm 2012 dự kiến xuống còn 87 tỷ đồng. Từ năm 2013, theo kế hoạch các nhà máy sẽ vận hành hết công suất, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định trở lại, do đó thu nhập lãi trong năm của công ty sẽ bù đắp hết khoản lỗ lũy kế còn tồn đọng và tích lũy lợi nhuận trở lại.

PHẦN VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN



- Địa chỉ : Tầng 12-17 tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội
- Điện thoại : 043 93 60 261 Fax : 043 93 60 262
- Website : www.vcbs.com.vn Email : headquarter@vcbs.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIET NAM



- Địa chỉ : Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 043 8524123; Fax: 043 8524143

PHẦN IX. CÁC PHỤ LỤC

1. Bản sao Đăng ký kinh doanh của VIS và SDS;
2. Bản sao Điều lệ tổ chức hoạt động của VIS và SDS;
3. Báo cáo tài chính năm 2010, 2011 của VIS có xác nhận của kiểm toán;
4. Báo cáo tài chính năm 2010, 2011 của SDS có xác nhận của kiểm toán;
5. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012 ngày 29/03/2012 của VIS;
6. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012 ngày 27/03/2012 của SDS.
7. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng VIS
8. Dự thảo Hợp đồng sáp nhập.

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG - VIS

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2012

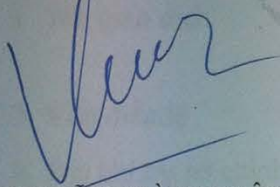
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN VĂN PHÚC

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HOÀNG NGÂN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN THANH

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2012

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

GIÁM ĐỐC



NGÔ QUANG TRUNG